TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN
GV: ĐỖ THỊ THU THỦY
Tổ: Ngữ văn, KHBD khối 12
Ngày soạn: 20/8/2026
Ngày dạy: Tuần 1,2,3,4 (Tiết 1-11)

BÀI 1. KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:
VB1: *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc* (Trích *Số đỏ* - Vũ Trọng Phụng)
VB2: *Nỗi buồn chiến tranh* (Trích - Bảo Ninh)
Thực hành đọc: *Trên xuồng cứu nạn* (Trích *Cuộc đời của Pi* - Y-an Ma-ten)
2. Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ: đặc điểm và tác dụng
3. Viết: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện
4. Nói và nghe: Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 11 tiết – KHGD

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại như: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật...
- Phân tích được đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm tiểu thuyết; phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.

2. Về năng lực:
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của phong cách hiện thực trong tiểu thuyết và trong sáng tác văn học nói chung.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.
- Viết được văn bản nghị luận, so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Biết trình bày (dưới hình thức nói) kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

***.Tích hợp phát triển năng lực số:**
1.1.NC1b Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.
4.2.NC1a Áp dụng được các cách thức khác nhau để bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường số.
12.D1.1. Nhận biết được một số phương án thiết kế và vận hành hệ thống AI phù hợp để đạt hiệu quả cao trong một số nhiệm vụ cụ thể.

3. Về phẩm chất: Biết xây dựng các chuẩn mực giá trị trong cuộc sống; hiểu và đồng cảm với những nỗi buồn thể hiện nhân tính và khát vọng hướng tới sự hoàn thiện của con người.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

Tiết 1, 2, 3:

ĐỌC VĂN BẢN 1: " XUÂN TÓC ĐỎ CỨU QUỐC"

(Trích "Số đỏ" - Vũ Trọng Phụng)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết và phân tích được một số nét đặc trưng của tiểu thuyết hiện đại trên các phương diện: khả năng bao quát hiện thực đời sống; góc độ quan sát, thể hiện nhân vật và hệ thống sự kiện, cách miêu tả nét đặc thù của ngôn ngữ nhân vật… thể hiện qua đoạn trích.
- Học sinh nhận biết và phân tích được tính chất trào phúng, giá trị hiện thực của tiểu thuyết "Số đỏ" thể hiện qua đoạn trích
- Học sinh nhận biết và phân tích được hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp nói mỉa, nghịch ngữ trong đoạn trích

2. Về năng lực:

- Vận dụng được những kĩ năng sau khi học xong văn bản "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc" để đọc hiểu những văn bản cùng thể loại và thực hiện nhiệm vụ thực tiễn
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở…
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

***.Tích hợp phát triển năng lực số:**

1.1.NC1b HS tìm kiếm và thu thập tài liệu, thông tin về tác giả Vũ Trọng Phụng, về tiểu thuyết Số đỏ (bối cảnh xã hội, giá trị hiện thực, nghệ thuật trào phúng) và ý nghĩa nhan đề đoạn trích "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc" để chuẩn bị bài.

4.2.NC1a Học sinh ghi rõ nguồn tài liệu (tên sách, tên tác giả, đường link trang web) khi hoàn thành phiếu học tập hoặc slide trình chiếu; không chia sẻ mật khẩu khi dùng chung nền tảng học tập trực tuyến.

12.D1.1. Nhận biết được một số phương án thiết kế và vận hành hệ thống AI phù hợp để đạt hiệu quả cao trong một số nhiệm vụ cụ thể.

3. Về phẩm chất: HS có thái độ phê phán tình trạng loạn chuẩn khi đánh giá các hiện tượng đời sống và nhìn nhận con người, hướng tới việc xây dựng một môi trường xã hội lành mạnh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập một, bảng, máy tính, máy chiếu, một số tư liệu ảnh, video clip liên quan đến tác giả Vũ Trọng Phụng, phiếu học tập.

2. Học liệu: SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập một, Tiểu thuyết *"Số đỏ"*, tài liệu, tranh ảnh liên quan tác giả, tác phẩm…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế đọc hiểu văn bản *"Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"*.

b. Nội dung: HS dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi: Hiểu biết của em về tiểu thuyết "Số đỏ" của Vũ Trọng Phụng

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS về tiểu thuyết *"Số đỏ"* của Vũ Trọng Phụng.

d. Tổ chức thực hiện: GV cho HS chia sẻ cảm nhận về tiểu thuyết "Số đỏ" và nhận xét về câu trả lời của HS. Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS xem video giới thiệu về tiểu thuyết "Số đỏ": https://www.youtube.com/watch?v=KiUaMDTiOXY - GV đặt câu hỏi gợi mở: Em hãy nêu hiểu biết của mình về tiểu thuyết "Số đỏ" của Vũ Trọng Phụng. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe yêu cầu của GV **B3. Báo cáo thảo luận:** GV mời một số HS trả lời câu hỏi **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, kết luận: *- ""Số đỏ"" là một tác phẩm để đời cho bao thế hệ - một tác phẩm sẽ mãi là vật báu vô giá trong nền văn học Việt Nam. Vâng, đó là một đóng góp hết sức to lớn của nhà văn với "cái nghèo gia truyền" - Vũ Trọng Phụng cho kho tàng văn chương dân tộc.* *- Tiểu thuyết ""Số đỏ"" được đăng ở "Hà Nội báo" từ số 40 ngày 7/10/1936 và được in thành sách lần đầu năm 1938. Tác phẩm nổi tiếng này đã được chuyển thể thành nhiều phim và kịch. Đây được xem là tác phẩm nổi tiếng nhất trong sự nghiệp sáng tác của "ông vua phóng sự đất Bắc". ""Số đỏ"" xoay quanh nhân vật làm đảo điên Hà Nội những năm 1930 - 1940, Xuân Tóc Đỏ - từ một thằng bé mồ côi, kiếm sống bằng đủ thứ nghề: trèo me, trèo sấu, nhặt bóng ở sân quần vợt, quảng cáo thuốc lậu... nhờ thủ đoạn xảo trá, "nhờ thời" đã trở thành đốc tờ Xuân, nhà cải cách xã hội, giáo sư quần vợt, thậm chí là anh hùng cứu quốc, là vĩ nhân... Sử dụng lối tương phản giữa cái đồi bại, thối nát vô luân với cái hài, cái trào phúng đã giúp cuốn tiểu thuyết thành công trong việc lột trần những "quái thai" thời đại trong buổi giao thời. Từ đó, tác phẩm cũng đã đả kích cay độc cái xã hội tư sản bịp bợm, đang chạy theo lối sống văn minh rởm, hết sức lố lăng thối nát. Bên cạnh đó, tác phẩm cũng đả kích những phong trào được thực dân khuyến khích như: Phong trào Âu hoá, thể dục thể thao, chấn hưng Phật giáo... Sự thành công của tác giả còn ở việc đã xây dựng được những nhân vật trở thành điển hình về mặt tâm lý xã hội mà cho đến tận hôm nay bóng dáng những nhân vật ấy vẫn còn đâu đó quanh ta. Tiêu biểu đoạn trích "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"*	*- ""Số đỏ"" là một tác phẩm để đời và sẽ mãi là vật báu vô giá của nền văn học Việt Nam. Là một đóng góp hết sức to lớn của nhà văn Vũ Trọng Phụng cho kho tàng văn chương dân tộc.* *- Tiểu thuyết này được đăng ở "Hà Nội báo" từ số 40 ngày 7/10/1936 và được in thành sách lần đầu năm 1938 và được chuyển thể thành nhiều phim và kịch. Đây được xem là tác phẩm nổi tiếng nhất trong sự nghiệp sáng tác của "ông vua phóng sự đất Bắc".*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

a. Mục tiêu: Học sinh nhận biết được thể loại tiểu thuyết hiện đại; Phong cách hiện thực trong sáng tác văn học nói chung và trong tiểu thuyết nói riêng; Biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ.

b. Nội dung: HS đọc tìm hiểu phần tri thức ngữ văn trong SGK và trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung của thể loại tiểu thuyết hiện đại; Phong cách hiện thực trong sáng tác văn học nói chung và trong tiểu thuyết nói riêng; Biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS tự đọc phần tri thức ngữ văn trong SGK trong thời gian 3 phút **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS đọc phần tri thức ngữ văn trong SGK. HS trả lời một số câu hỏi và yêu cầu mang tính gợi mở của GV như: - Em đã từng học, đọc những tiểu thuyết nào? Qua những tác phẩm ấy, em hiểu được gì về thể loại tiểu thuyết? - Nêu cách hiểu của em về mệnh đề sau đây: Tiểu thuyết dành sự chú ý đặc biệt cho đời tư hay số phận của con người cá nhân. Để hiểu rõ đặc điểm đó của tiểu thuyết, em có thể so sánh tiểu thuyết với thể loại nào đã được học? - Nêu một vài căn cứ theo hiểu biết của em để chứng minh rằng tiểu thuyết có rất nhiều dạng thức, thể hiện nhiều hướng phát triển, tìm tòi khác nhau. - Theo em, người biên soạn SGK muốn nhắm tới điều gì khi đặt tên cho bài học là "Khả năng lớn lao của tiểu thuyết"? Nêu những điều mà tiểu thuyết có thể làm được trong khả năng của nó.	**A. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN** **I. Tiểu thuyết hiện đại** - K/n: Tiểu thuyết thuộc loại hình tự sự, là một hình thức cụ thể của *truyện* hay *truyện kể*. - Tiểu thuyết có dung lượng lớn (phân biệt với *truyện ngắn*, *truyện vừa*), có thể "phản ánh" được hiện thực ở quy mô rộng, bao quát nhiều cảnh đời, nhiều số phận, đề cập nhiều sự kiện xảy ra trong thời gian dài và ở các không gian khác nhau. - Tiểu thuyết tiếp cận hiện thực chủ yếu từ góc độ đời tư, dành sự quan tâm đặc biệt đến số phận con người cá nhân. Ở điểm này, tiểu thuyết thường được đưa ra so sánh với *sử thi*, một hình thức tự sự xuất hiện từ thời cổ đại, ưu tiên thể hiện những vấn đề lớn của cộng đồng. – Tiểu thuyết có thể được viết bằng văn xuôi hoặc văn vần. Tuy nhiên, không phải tác phẩm truyện thơ nào cũng có thể được nhìn nhận là tiểu thuyết, nếu trong đó, câu chuyện về con người cá nhân và một số vấn đề cơ bản khác thuộc về kết cấu, ngôn ngữ, sự phối hợp các điểm nhìn,… không được thể hiện nổi bật. Trên vấn đề này, có cơ sở để xem *Ép-ghê-nhi Ô-nhê-ghin* (*Yevgeny Onegin*) của Pu-skin (Pushkin), *Truyện Kiều* của Nguyễn Du,… là tiểu thuyết - thơ. - Khả năng lớn lao của tiểu thuyết: + Tiểu thuyết có thể bao quát được bức tranh đời sống rộng lớn với đủ thành phần xã hội và các sự kiện chằng chéo, phức tạp (điều này thể hiện rõ trong đoạn trích *Số đỏ*).

- Em hiểu thế nào về vấn đề: Tiểu thuyết có khả năng tổng hợp cao mọi kinh nghiệm nghệ thuật của các thể loại văn học khác? - Cắt nghĩa nguyên nhân khiến tiểu thuyết thường đưa tới cho độc giả cảm giác "chân thật". - Em đã biết gì về những cuộc bình chọn nhằm xác định "Những tiểu thuyết Việt Nam hay nhất", "Những tiểu thuyết nổi tiếng nhất mọi thời đại của văn học thế giới"? - Phong cách hiện thực là gì? So sánh trong tương quan đối lập với các thể loại khác? ***Tích hợp phát triển năng lực số:** *1.1.NC1b Học sinh sử dụng công cụ tìm kiếm (Google, thư viện số,...) để thu thập dữ liệu về tác giả/tác phẩm, video phân tích hoặc các bài viết học thuật liên quan.* - Thế nào là biện pháp tu tử nói mỉa và nghịch ngữ?	+ Tiểu thuyết có thể đi sâu khám phá những bí mật của tâm hồn con người, soi tỏ cả những điều có thể xem là dị thường, tưởng chừng không thể giải thích (điều này có thể được chứng thực qua đoạn trích *Nỗi buồn chiến tranh*). + Tiểu thuyết giúp người đọc hiểu rõ tính toàn vẹn của đời sống và khơi dậy ý thức tôn trọng những cách diễn giải, đánh giá khác nhau đối với những gì đã hoặc sẽ diễn ra trong đời sống nhân loại. **II. Phong cách hiện thực trong sáng tác văn học nói chung và trong tiểu thuyết nói riêng** - *Phong cách hiện thực* là khái niệm có phạm vi sử dụng khá rộng và nội hàm thường biến động trong các ngữ cảnh khác nhau. Nó biểu thị nỗ lực khái quát của các nhà lí luận, phê bình về một kiểu tiếp cận và thể hiện nghệ thuật đối với đời sống mang tính chất trực diện, khách quan; gạt bỏ mọi ảo tưởng, ngộ nhận; từ chối sự tô vẽ, "mĩ hoá";… Theo đó, khái niệm này thường được đặt trong thế đối lập với khái niệm *phong cách lãng mạn* – một khái niệm biểu thị kiểu tiếp cận và thể hiện nghệ thuật mang tính chất ngược lại: coi trọng cái chủ quan; ít quan tâm logic vận động khách quan của sự vật, sự việc; ưa sử dụng bút pháp lí tưởng hoá;… Khái niệm *phong cách hiện thực* không chỉ được dùng để gọi tên phong cách sáng tác của các nghệ sĩ theo *chủ nghĩa hiện thực* (một trào lưu văn học, nghệ thuật phát triển mạnh mẽ ở phương Tây trong khoảng thời gian từ những năm 30 của thế kỉ XIX sang đến đầu thế kỉ XX) mà còn được dùng để chỉ phong cách sáng tác của một số nhà văn, nhà thơ thuộc các thời đại và khu vực văn hoá, văn học khác, khi họ đề cao nguyên tắc sáng tác bám sát những gì thực sự diễn ra trong đời sống. Chính vì vậy, Đỗ Phủ (sống vào thời Đường ở Trung Quốc) có thể được xem là nhà thơ có *phong cách hiện thực*, phân biệt và đối trọng với Lý Bạch (nhà thơ cùng thời) có *phong cách lãng mạn*. **III. Biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ** - Nói mỉa được hiểu là một phương thức ngôn ngữ đặc biệt dùng để diễn đạt sự đánh giá "chênh" đi, thậm chí có khi còn ngược lại so với sự thật cần đánh giá. Chính vì thế ngôn ngữ ở

- Nói mỉa và nghịch ngữ có mối quan hệ như thế nào với nhau? **B3. Báo cáo thảo luận:** GV mời HS trả lời câu hỏi theo định hướng các câu hỏi trên **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** HS nắm được kiến thức, hiểu và nhận diện được một số đơn vị kiến thức cơ bản sẽ sử dụng trong tìm hiểu văn bản và thực hành tiếng việt, viết bài văn.	đây bao giờ cũng mang sắc thái biểu cảm rõ nét, và thường là thái quá. Người ta thường nhận được những câu quá khen, hoặc chê thậm tệ; hoặc cũng có khi lẽ ra phải khen thì lại chê, phải chê thì lại khen; và đặc biệt lại có cả những câu tưởng chừng phi lý; Trong khẩu ngữ, nói mỉa thường thể hiện bằng sự kéo dài hay nhấn mạnh giọng nói. Đôi khi có kèm theo cả sự thay đổi nét mặt, cử chỉ, dáng điệu... ở người nói. Người nghe thường nhận ngay ra cái dáng vẻ của ngôn ngữ mỉa mai, giễu cợt. - Nghịch ngữ là biện pháp tu từ, theo đó, người nói (người viết) sử dụng trong cùng một câu hoặc một đoạn văn những từ ngữ hoặc câu có nghĩa trái ngược nhau nhằm tạo ra cách nói nghịch lí, bất ngờ để thể hiện được đúng nhận xét về đối tượng được nói đến. => Giữa nói mỉa và nghịch ngữ có sự nhập nhằng nhất định vì khi nói mỉa, người ta có thể sử dụng nghịch ngữ. Trong khí quyển của nói mỉa, một nghịch ngữ đôi khi bị đồng hoá, khiến người ta không còn cho đó là nghịch ngữ nữa. Sự thực, cần phân định rõ: nói mỉa không phải là một đơn vị ngôn ngữ mà là một cơ chế tạo lời nhằm tạo ra sự mâu thuẫn giữa phần hiển ngôn và phần hàm ngôn

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: XUÂN TÓC ĐỎ CỨU QUỐC

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- Nắm bắt được những kiến thức chung về tác giả Vũ Trọng Phụng, hoàn cảnh xã hội đương thời, tiểu thuyết Số đỏ và đoạn trích "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc".
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung bài học

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động: Đọc **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** Sử dụng phương pháp dự án: - GV giao HS đọc, tìm hiểu trước ở nhà những thông tin chính về tác giả, tác phẩm, đoạn trích	**B. ĐỌC VĂN BẢN** **I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** ***a. Cuộc đời*** (1912 - 1939) quê Hưng Yên nhưng sinh ra và sống chủ yếu ở Hà Nội. - Ông bước vào làng báo, làng văn từ sớm (bắt đầu có truyện đăng báo từ năm 1930), dùng ngòi bút để

(Hs thảo luận nhóm 2 nhóm theo **PHT số 1, 2)** **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - Hs tìm hiểu thông tin về tác giả và tác phẩm, đoạn trích - chuẩn bị phiếu học tập ở nhà **B3. Báo cáo thảo luận** - HS cử đại diện lên trình bày nội dung đã chuẩn bị ở nhà **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét và đánh giá bằng điểm ***Tích hợp phát triển năng lực số:** *4.2.NC1a Học sinh ghi rõ nguồn tài liệu (tên sách, tên tác giả, đường link trang web) khi hoàn thành phiếu học tập hoặc slide trình chiếu; không chia sẻ mật khẩu khi dùng chung nền tảng học tập trực tuyến.*	kiếm sống và chống chọi một cách khó khăn với tình cảnh nghèo túng, bệnh tật triền miên. ***b. Sự nghiệp sáng tác*** **** Tác phẩm tiêu biểu*** - Cạm bẫy người (phóng sự, 1933), Kĩ nghệ lấy Tây (phóng sự, 1934), Cơm thầy cơm cô (phóng sự, 1936), Giông tố (tiểu thuyết, 1936), "Số đỏ" (tiểu thuyết, 1936), Vỡ đê (tiểu thuyết, 1936), Lấy nhau vì tình (tiểu thuyết, 1937), Trúng số độc đắc (tiểu thuyết, 1938),... **** Đặc điểm sáng tác*** - Toát lên sự khinh bỉ sâu sắc cái xã hội đương với cảm hứng vạch trần sự thật; xây dựng những hình tượng nhân vật sắc nét, vừa mang tính đặc thù của một thời đại cụ thể, vừa thể hiện rõ bản chất một số trạng huống tồn tại phổ quát của cuộc sống. **2. Văn bản** ***a.Tiểu thuyết "Số đỏ"*** *** Hoàn cảnh sáng tác, vị trí:** Ra mắt lần đầu tiên vào năm 1936. Đến năm 1938, tác phẩm được in thành sách. Đây là đỉnh cao trong văn nghiệp của Vũ Trọng Phụng, có vị trí quan trọng trong nền tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. *** Thể loại:** Tiểu thuyết *** Phương thức biểu đạt**: Tự sự *** Tóm tắt:** Nhân vật chính của tác phẩm là Xuân, biệt danh là Xuân Tóc Đỏ. Từ một đứa trẻ mồ côi, lêu lổng, lang thang, đã trải qua đủ "nghề" thường được xem là "mạt hạng", Xuân Tóc Đỏ dần bước chân vào xã hội "thượng lưu" nhờ sự nâng đỡ đầy toan tính của bà Phó Đoan – một me Tây dâm đãng. Đầu tiên, Xuân Tóc Đỏ đến làm việc ở tiệm may Âu hoá. Hắn được vợ chồng Văn Minh và những người trong gia đình này hoặc vô tình hoặc cố ý tôn lên làm "nhà cải cách xã hội", "đốc tờ Xuân", "giáo sư quần vợt" Với đủ danh hiệu "vẻ vang" ấy và với sự láu lỉnh, cơ hội cố hữu, Xuân Tóc Đỏ khiến cô Tuyết say mê và được nhiều nhân vật khác sợ hãi, nể trọng, nhờ cậy, ghi ơn. Xuân Tóc Đỏ đạt đến vinh quang tột đỉnh vào thời điểm vua nước Xiêm sang thăm Việt Nam nhằm thắt chặt quan hệ hữu nghị giữa hai quốc gia, giữa bối cảnh nền chính trị thế giới đang có những biến động khó lường.

	Với "thành tích" để thua quán quân quần vợt người Xiêm trong trận thi đấu thể thao mang tính ngoại giao, Xuân Tóc Đỏ được tung hô là "vĩ nhân", "anh hùng cứu quốc" và tiếp tục được một số tổ chức danh giá chào đón, mời làm thành viên danh dự. ***b. Đoạn trích "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"*** **- Xuất xứ và vị trí:** "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc" là đoạn trích nửa đầu của chương XX - chương cuối cùng của tác phẩm "Số đỏ". **- Bố cục:** + Phần 1: Từ đầu đến "nhà quán quân quần vợt Xiêm La ra thử tài với Xuân Tóc Đỏ.": Tình hình chuẩn bị cho cuộc thi đấu thể thao đặc biệt. + Phần 2: Tiếp theo đến "các đức vua và quý quan của ba chính phủ về Sở Toàn quyền.": Diễn biến kịch tính của "ván quần" giữa Xuân Tóc Đỏ và quán quân quần vợt Xiêm La. + Phần 3: Còn lại: Màn hùng biện của Xuân Tóc Đỏ và sự tung hô của dân chúng.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Chỉ ra và phân tích được một số nét đặc trưng của tiểu thuyết hiện đại trên các phương diện: khả năng bao quát hiện thực đời sống; góc độ quan sát, nhân vật và hệ thống sự kiện; cách miêu tả nét đặc thù của ngôn ngữ nhân vật;.. thể hiện qua đoạn trích *"Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"*.

b. Nội dung:

- Tập trung làm rõ các vấn đề *Câu chuyện và sự kiện - Tình huống và nhân vật trào phúng - Người kể chuyện và điểm nhìn - Ngôn ngữ - Phong cách hiện thực của Vũ Trọng Phụng* qua các nhiệm vụ cụ thể.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động: Khám phá VB **Nhiệm vụ 1:** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV hướng dẫn HS đọc một số đoạn tiêu biểu với giọng đọc hóm hỉnh, châm biếm - Trả lời câu hỏi: Văn bản kể câu chuyện gì? Tóm tắt các sự kiện chính được kể trong đoạn trích *"Xuân Tóc Đỏ cứu quốc". (Hs thảo luận nhóm đôi theo **PHT số 3**)* **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh suy nghĩ, trao đổi thảo luận và thực hiện	**II. Khám phá văn bản** **1. Tìm hiểu về câu chuyện và sự kiện** - Câu chuyện: "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc" - Sự kiện chính: *+ Tình hình chuẩn bị cho cuộc thi đấu thể thao đặc biệt*: Sân quần Rollandes Varreau của Hà thành đã ghi được một chỗ rẽ cho lịch sử thể thao khi giá vào cửa là ba đồng hạng bét nhưng người xem cũng trên ba nghìn. => Tất cả mọi người đều đã thua và họ đều hi vọng vào Xuân Tóc Đỏ. Tất cả các quan chức cấp cao của hai nước đã an toạ nhưng Tổng cục thể thao Bắc Kì đang lo sốt vó khi không thấy hai nhà đương kim Hải và Thụ.

B3. Báo cáo thảo luận Học sinh cử đại diện chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên nhận xét và chốt những kiến thức cơ bản	=> Cuối cùng, để chữa cháy họ mời quán quân Xiêm La đấu với Xuân Tóc Đỏ. *+ Diễn biến kịch tính của "ván quần" giữa Xuân Tóc Đỏ và quán quân quần vợt Xiêm La*: => Trong trận đấu, Xuân đã chiếm được ưu thế hơn so với quán quân Xiêm. => Điều đó khiến vua Xiêm tức giận và doạ dẫm chiến tranh sẽ nổ ra nếu Xuân thắng, ông Giám đốc chính trị Đông Dương đã phải tìm ông Văn Minh để bảo Xuân Tóc Đỏ nhường quán quân Xiêm La. *+ Màn hùng biện của Xuân Tóc Đỏ và sự tung hô của dân chúng*: Xuân nghe vậy thì nhường bàn cuối khiến công chúng, khán giả sững sờ. => Ban đầu họ có vẻ đả đảo Xuân nhưng với với sự lẻo mép, khôn lỏi của mình, Xuân đã thuyết phục quần chúng bằng tài diễn thuyết.
Nhiệm vụ 2: **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV đặt câu hỏi: - Xác định tình huống của đoạn trích. Tình huống nào là chính? Vì sao? *(Hs thảo luận nhóm đôi theo PHT số 4)* - Theo lời tác giả: "*Số đỏ* tập trung cao độ thể hiện sự dị dạng của con người trong một xã hội đang tư sản hoá cuối mùa". Sự "dị dạng của con người" thể hiện như thế nào qua các nhân vật trong đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc? (Hs thảo luận nhóm 4-6 em theo PHT số 4).*	=> Hắn tỏ vẻ trịch thượng và tự cho rằng mình đã bỏ qua lòng tự trọng mà cứu đất nước. Lúc này, quần chúng lại coi hắn như người hùng cứu quốc thực thụ và tán tụng, ngợi ca. **2. Tình huống và nhân vật trào phúng** ***a. Tình huống*** - Tình huống 1: Hai nhà quán quân cũ là Hải và Thụ mất tích, dẫn đến nguy cơ trận chung kết quần vợt phải hoãn, đồng thời cũng tạo cơ hội cho Xuân Tóc Đỏ được ra sân tỉ thí với quán quân Xiêm La. - Tình huống 2: Xuân Tóc Đỏ thắng điểm quán quân Xiêm La, vô tình đẩy hai nước Việt, Xiêm đến miệng hố chiến tranh – một tình trạng nguy cấp phải giải quyết kịp thời. - Tình huống 3: Đông đảo khán giả đả đảo Xuân, đòi được giải thích, buộc Xuân và ông bầu Văn Minh phải biện xảo để xoay ngược thế cờ. => Trong ba tình huống nêu trên, tình huống chính là tình huống 2. Bởi vì, tình huống này đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên kịch tính và bước ngoặt của toàn bộ sự kiện được kể, nó liên quan chặt chẽ đến cao trào của sự kiện, nói lên "Số đỏ" của nhân vật Xuân, phơi bày toàn bộ sự bịp bợm của màn kịch đang diễn ra. ***b. Nhân vật trào phúng*** - *Tên gọi*: ông TYPN, Văn Minh, Xuân Tóc Đỏ, cô Tuyết, nhân vật đám đông,…: tên nhân vật độc đáo, mang ngụ ý, gây ấn tượng mạnh, gắn với ngoại hình, đặc điểm, tính cách đặc biệt,… kích thích sự tò mò, hứng thú của người đọc.

	– *Hành động*: + Nhân vật Xuân: *"kêu rằng cái phần danh dự của gia đình cũng còn có cơ cứu chữa được, vì mọi người còn hi vọng vào Xuân*" và không được tác giả giới thiệu một cách trực tiếp mà chỉ xuất hiện gián tiếp qua lời kể của nhân vật khác nhưng ta có thể thấy mọi người đều đang rất mong chờ, hi vọng và trao trọn niềm tin cho nhân vật này. Điều đó cho thấy đây là một nhân vật có quyền lực, tài giỏi vô cùng nên mới được trao niềm tin để cứu vớt lại danh dự của một gia đình. + Ông Văn Minh: sung sướng vì người của mình được đại diện cho Hà Thành để giữ cái danh dự cho Tổ quốc, trước nhà vô địch Xiêm La vì như vậy sẽ làm tăng danh dự cho bản thân. + Vua Xiêm: "*lộ ra mặt rồng tất cả sự thịnh nộ của vị thiên tử thế thiên hành đạo"; "Vua Xiêm tức thì lôi trong túi áo ra cái bản đồ Ấn Độ Chi Na do chính phủ Xiêm vẽ lại*" và thể hiện rõ nét cơn thịnh nộ của vua Xiêm khi đứng trước bàn thắng của Xuân Tóc Đỏ, lối miêu tả cường điệu càng nhấn mạnh mức độ nghiêm trọng của sự kiện. + Ông Giám đốc chính trị Đông Dương *"sau khi tai nghe một hiệu lệnh của quan Toàn quyền, tức thì bỏ khán đài, chạy xuống sân đi tìm ông bầu của Xuân Tóc Đỏ*" và Hành động của quan chức đã tạo ra một bức tranh hài hước và mỉa mai về tình hình cứu quốc, cứu quốc bằng phương án nhường đối thủ, đây là một lối suy nghĩ hèn nhát, thiển cận. + Nhân vật đám đông: "*Tuy giá vé vào cửa là ba đồng hạng bét, số công chúng sáng hôm sau ấy, cũng trên ba nghìn"; "rất nhiều người hâm mộ vì đến chậm, không mua được vé, bèn hoá ra phẫn uất và chết một cách rất thể thao, nghĩa là tự tử dần bằng thuốc phiện không có giấm thanh, hút vào phổi"; "công chúng còn đứng lại, đông nghìn nghịt, tốp này định chia buồn với Xuân, tốp kia định trách cứ Xuân*" và Gợi khung cảnh hỗn loạn, đầy nghịch lí qua ngôn ngữ châm biếm, mỉa mai xen lẫn cường điệu để mô tả trạng thái "*thôi miên, lên đồng*", ở đây là cả một cộng đồng xã hội bị một cá nhân, tổ chức lôi kéo "dắt mũi". Lời nói: "*Xuân Tóc Đỏ vạn tuế! Sự đại bại vạn tuế!"; "Hỡi công chúng! Mi chưa hiểu rõ những lẽ cực kì to tát nó khiến ta phải đành nhường giải cho nhà vô địch Xiêm La!"; "Xuân thua không phải bởi*

Nhiệm vụ 3 **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV đặt câu hỏi: - Phân tích nét đặc sắc của cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện trước công chúng. *(HS thảo luận theo PHT số 5)*. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh suy nghĩ, trao đổi thảo luận và thực hiện **B3. Báo cáo thảo luận** Học sinh cử đại diện chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên nhận xét và chốt những kiến thức cơ bản	*vô tài! Chắc thiên hạ đã mục kích rất rõ. Vậy xin thiên hạ hãy bình tĩnh nghe tại sao người của tôi lại phải thua"; "A bas Xuân! A bas Xuân! Des explications"* mang màu sắc châm biếm, mỉa mai xen lẫn cường điệu, phê phán => Bằng ngòi bút trào phúng, lối viết "ngấu nghiến", nhịp điệu dồn dập, giọng văn phảng phất thái độ khinh miệt, nhà văn đã tạo ra những nhân vật dị biệt, khác lạ từ tên gọi đến tính cách. Họ đại diện cho một xã hội lố lăng, kệch cỡm, "chó đểu" thời bấy giờ ***c. Cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện trước công chúng*** + Nội dung: đề cập đến những hậu quả của một xung đột Việt – Xiêm và nhấn mạnh rằng cuộc chiến sẽ kéo theo nạn đói và thảm hoạ cho nhân loại. + Ngôn từ: *"Hỡi công chúng! Mi chưa hiểu rõ những lẽ cực kì to tát nó khiến ta đành phải nhường giải cho nhà vô địch Xiêm La"; "Mi đã biết đâu cái lòng hi sinh cao thượng vô cùng", "điểm cốt yếu của người xả thân cứu nước không phải là chỉ nghĩ đến mình…"* chứa đầy các yếu tố đối nghịch, hội tụ các mối tương quan xã hội phức tạp. Chúng xung đột và hoà hợp với nhau một cách kì dị, phản ánh đúng bản chất kì dị của xã hội đương thời. + Giọng điệu: kiêu ngạo, hùng biện, bề trên,… bản chất khôn lỏi, cơ hội của Xuân. + Hành động: nó vỗ vào ngực (tự cao, tự mãn, đề cao bản thân); nó đấm tay xuống không khí (sự kiên định); nó giơ cao tay lên (sự quyết tâm);… => Cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện có dáng dấp của một màn hài kịch, thể hiện rõ cảm quan của Vũ Trọng Phụng về hiện thực. Xã hội đảo điên đã tạo cơ hội cho Xuân - một kẻ "hạ lưu" vô học nhưng láu cá - đã chui sâu, leo cao và đạt được cơ hội "thăng tiến" khó ngờ. Theo ông, tất cả những gì đang diễn ra trong xã hội đều là một tấn trò não nuột, xen lẫn bi và hài.
Nhiệm vụ 4 **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV đặt câu hỏi: - Xác định ngôi kể, điểm nhìn đã được nhà văn lựa chọn và ý nghĩa của ngôi kể, điểm nhìn ấy trong việc làm sáng tỏ bản chất hiện thực theo khám phá và quan niệm của nhà văn? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh suy nghĩ, trao đổi thảo luận và thực hiện **B3. Báo cáo thảo luận** Học sinh cử đại diện chia sẻ	**3. Ngôi kể và điểm nhìn** - Ngôi kể và điểm nhìn: Đoạn trích được kể ở ngôi thứ ba với điểm nhìn bên ngoài. - Ý nghĩa: + Tạo điều kiện bao quát toàn cảnh sự việc, đẩy nhanh nhịp độ kể và làm nổi bật tính chất "hề" của toàn bộ những gì được kể.

<table>
<tr>
<td>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét và chốt những kiến thức cơ bản

Nhiệm vụ 5
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
GV đặt câu hỏi:
- Nêu nhận xét khái quát về sự tương đồng và khác biệt giữa ngôn ngữ của người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật ở đoạn trích Xuân Tóc Đỏ cứu quốc?
B2. Thực hiện nhiệm vụ
Học sinh suy nghĩ, trao đổi thảo luận và thực hiện
B3. Báo cáo thảo luận
Học sinh cử đại diện chia sẻ
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét và chốt những kiến thức cơ bản

Nhiệm vụ 6
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
GV đặt câu hỏi
Phong cách hiện thực của Vũ Trọng Phụng thể hiện như thế nào qua đoạn trích?
B2. Thực hiện nhiệm vụ
Học sinh suy nghĩ, trao đổi thảo luận và thực hiện
B3. Báo cáo thảo luận
Học sinh cử đại diện chia sẻ</td>
<td>+ Tuy chọn điểm nhìn bên ngoài để miêu tả, tái hiện sự việc nhưng vị trí đặt điểm nhìn lại luôn được dịch chuyển, soi chiếu ở nhiều góc khác nhau (bao quát, cụ thể, xa, gần,…) để người đọc thấy được bức tranh tổng thể về những gì đang diễn ra: từ cảnh náo nhiệt trên sân vận động đến cảnh rỉ tai ám muội giữa các “đấng” tai to mặt lớn trong ban tổ chức sự kiện; từ cảnh rừng người hò reo đến cảnh đặc tả từng động tác tay, chân đầy “biểu cảm” của nhân vật chính - Xuân Tóc Đỏ.
+ Mô tả và đánh giá hiện thực từ nhiều góc độ, phê phán và chỉ ra những vấn đề xuất hiện trong thời buổi “cũ - mới tranh nhau”, “Á - Âu xáo trộn”, mớ hỗn độn tạp nham mà tác giả cho rằng đó là “cái xã hội đen tối, thối nát”. Điểm nhìn toàn tri giúp nhà văn vạch trần những mảng tối trong hiện thực đồng thời thể hiện sự khinh bỉ đối với xã hội lúc bấy giờ.
=> Như vậy, việc lựa chọn ngôi kể và điểm nhìn tuỳ thuộc đặc điểm của đối tượng được miêu tả, thể hiện. Đây là sự lựa chọn phù hợp, có ý đồ nghệ thuật rõ ràng.
4. Ngôn ngữ
- Sự tương đồng: Thể hiện rõ sắc thái mỉa mai, trào phúng, mặc dù ở lời nhân vật, sự mỉa mai không mang tính chủ động. Do được đặt trong bối cảnh “hề” nên ngay cả khi lời nhân vật thể hiện tâm trạng hoảng hốt (lời nhân vật Văn Minh) hay lâm li, phấn khích (lời nhân vật Xuân Tóc Đỏ), thì tính chất mỉa mai vẫn được bộc lộ rất rõ, hoà điệu với tính chất mỉa mai trong lời người kể chuyện.
– Sự khác biệt:
<table>
<tr><th>Ngôn ngữ của người kể chuyện</th><th>Ngôn ngữ của nhân vật</th></tr>
<tr><td>– Là lời người kể chuyện.</td><td>– Là lời nhân vật.</td></tr>
<tr><td>– Thực hiện chức năng thuật kể, miêu tả, giới thiệu nhân vật, sự việc.</td><td>– Phát ra trong những hoàn cảnh, tình huống giao tiếp cụ thể.</td></tr>
<tr><td>– Thể hiện góc nhìn và quan điểm đánh giá riêng.</td><td>– Bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật.</td></tr>
</table>
5. Phong cách hiện thực của Vũ Trọng Phụng
- Ý thức phơi bày những mặt trái, mặt nhố nhăng của hiện thực luôn thường trực. Trong con mắt của ông, xã hội đương thời đầy rẫy những biểu hiện tha hoá, suy đồi, dường như vô phương cứu chữa.</td>
</tr>
</table>

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét và chốt những kiến thức cơ bản	- Sắc sảo trong việc xây dựng những chân dung biếm hoạ, luôn tìm thấy những chi tiết độc đáo có thể lột trần chân tướng của sự vật, hiện tượng và con người thuộc nhiều tầng lớp xã hội khác nhau. - Thể hiện một khả năng tưởng tượng, hư cấu đặc biệt khi liên tiếp dựng lên những tình huống phi lí, những mẫu nhân vật quái dị với hành động và ngôn ngữ khác thường. Tuy nhiên, mọi sự tưởng tượng, hư cấu của ông đều dựa trên nền tảng hiện thực. - Để tăng cường khả năng bao quát hiện thực cho trang viết, nhà văn dụng công trong việc hư cấu nên các tình huống - sự kiện có sự góp mặt của đủ hạng người trong xã hội; sử dụng bối cảnh lịch sử và xã hội thực tế; ngôn từ sắc bén, mô tả tinh tế để thể hiện sự nhạy bén trong việc quan sát và phê phán xã hội thông qua các biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ, ẩn dụ,…; giọng văn đanh thép, mỉa mai để tố cáo sự thối nát của xã hội đương thời; sử dụng kiểu liên hệ so sánh đầy tính bất ngờ nhắm tới nhiều đối tượng cùng một lúc

2.3. Tổng kết

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được tính chất trào phúng, giá trị hiện thực của tiểu thuyết *"Số đỏ"*, một kiệt tác hoạt kê của tiểu thuyết Việt Nam trong thế kỉ XX, thể hiện qua đoạn trích.

b. Nội dung:

Câu 1. Nêu chủ đề và giá trị hiện thực của đoạn trích *"Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"*.

Câu 2. Hãy tìm những dấu hiệu của tiểu thuyết hoạt kê được thể hiện qua đoạn trích.

Câu 3. Hãy nêu cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết hoạt kê.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **GV đặt câu hỏi** - Nêu chủ đề và giá trị hiện thực của đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc?* - Hãy tìm những dấu hiệu của tiểu thuyết hoạt kê được thể hiện qua đoạn trích? - Hãy nêu cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết hoạt kê? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, tìm câu trả lời **B3. Báo cáo thảo luận:**	**III. Tổng kết** **1. Chủ đề và giá trị hiện thực** ***a. Chủ đề*** - Sự tha hoá về nhân cách của những kẻ đại diện cho xã hội "chó đểu"; sự xuống cấp của cả hệ thống, một chế độ xã hội đang trên đường băng hoại đầu thế kỉ XX trước cơn xoáy Âu hoá ở Việt Nam. ***b. Giá trị hiện thực*** - Vũ Trọng Phụng dựng lên bức tranh về xã hội thượng lưu thông qua cuộc tỉ thí quần vợt. - Bức tranh hiện thực về một cộng đồng xã hội thượng lưu lố lăng, kệch cỡm,… **2. Những dấu hiệu của tiểu thuyết hoạt kê được thể hiện qua đoạn trích**

HS trả lời cá nhân câu hỏi GV đưa ra **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và kết luận	- Phản ánh được bức tranh đời sống rộng lớn với đủ thành phần xã hội và các sự kiện chằng chéo, phức tạp - Từ một vài sự việc, nhân vật cụ thể, nhà văn giúp độc giả hình dung được bức tranh rộng lớn về các quan hệ và tính cách phức tạp trong xã hội. - Làm chuyển biến nhận thức của độc giả về các vấn đề bức thiết của cuộc sống. - Xây dựng các tình huống và chân dung trào phúng. - Ngôn ngữ trào phúng. - Bối cảnh trào phúng. **3. Khái quát cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết hoạt kê** - Đọc và xác định đề tài; câu chuyện và hệ thống sự kiện; tình huống và thế giới nhân vật; ngôi kể và điểm nhìn; ngôn ngữ. - Kết nối để xác định chủ đề, giá trị của văn bản; nhận xét về phong cách của nhà văn.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức vừa hình thành về tác giả và tác phẩm.
b. Nội dung: HS làm việc cá nhân hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm.
c. Sản phẩm: Kết quả bài làm của học sinh
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đưa ra yêu cầu, trình chiếu các câu hỏi trắc nghiệm lên slide **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS quan sát và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm được GV đưa ra **B3. Báo cáo thảo luận** GV gọi HS trả lời câu hỏi **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** GV nhận xét, đánh giá	***Câu 1: Dòng nào dưới đây phát biểu đúng nhất về nhà văn Vũ Trọng Phụng?*** A. Là nhà văn của phụ nữ và trẻ em. **B. Được mệnh danh là "ông vau phóng sự đất Bắc", dùng ngòi bút chân chính để kiếm sống trong tình cảnh khó khăn, bệnh tật.** C. Nhà văn suốt đời đi tìm vẻ đẹp vĩnh hằng D. Người kế tục xuất sắc những bậc thầy của nền văn xuôi Việt Nam và cũng là người mở đường rực rỡ cho những cây bút trẻ tài năng sau này ***Câu 2: Các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng bao gồm những thể loại nào?*** A. Kịch, phóng sự, truyện ngắn, thơ B. Bài báo, kịch, tiểu thuyết, thơ **C. Bài báo, kịch, phóng sự, truyện ngắn, tiểu thuyết** D. Kịch, tiểu thuyết, phóng sự, truyện ngắn, vè ***Câu 3: Cảm hứng nào đã chi phối ngòi bút của Vũ Trọng Phụng?*** **A. Vạch trần sự thật** B. Đồng cảm với số phận con người

	C. Tình yêu quê hương D. Tình yêu thiên nhiên. ***Câu 4: Tiểu thuyết ""Số đỏ"" ra mắt độc giả lần đầu tiên trên tờ báo nào?*** A. Nhân dân báo **B. Hà Nội báo** C. An Nam báo D. Nam Kỳ báo ***Câu 5: Đoạn trích ""Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"" nằm ở chương thứ mấy của tiểu thuyết ""Số đỏ""?*** A. Chương XVII B. Chương XVIII C. Chương XIX **D. Chương XX** ***Câu 6: Nhân vật chính trong tác phẩm đoạn trích ""Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"" là ai?*** A. Văn Minh B. Typn C. Bà Phó Đoan **D. Xuân Tóc Đỏ** ***Câu 7: Trong đoạn miêu tả chân dung các nhân vật, người viết đã dùng giọng điệu như thế nào?*** **A. Mỉa mai trào phúng** B. Trân trọng, ngợi ca C. Tôn kính và lễ phép D. Khinh rẻ, bất chấp ***Câu 8: Vì sao ông Văn Minh tỏ ra vui sướng?*** A. Vì người của ông đã chiến thắng quán quân của Xiêm La. B. Vì ông được ban trị sự của Tổng cục ra nói chuyện riêng. **C. Vì người của ông được đại diện cho Hà Thành để giữ cái danh dự cho Tổ quốc.** D. Vì ông sắp được lĩnh được số tiền thưởng to. ***Câu 9: Tình huống nào đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên sự kịch tính và bước ngoặt cho toàn bộ sự kiện trong đoạn trích?*** A. Khi Xuân Tóc Đỏ đứng lên hùng biện trước mặt công chúng. **B. Khi Văn Minh được vị thượng quan của Chính phủ mời ra nói chuyện.** C. Khi Xuân Tóc Đỏ để thua quán quân quần vợt Xiêm La. D. Khi Xuân Tóc Đỏ lên xe huênh hoang ra về.

	Câu 10: Trong đoạn trích, Xuân Tóc Đỏ đã làm gì để được ngợi ca? A. Xuân đã đứng lên hùng biện trước mặt rất nhiều người. B. Xuân đã giành chiến thắng trong trận quần vợt với nhà vô địch người Xiêm. **C. Xuân đã để thua trong trận đấu quần vợt với nhà vô địch Xiêm.** D. Xuân đã thuyết trình trước mặt vua Xiêm về tinh thần yêu nước của mình. ***Câu 11: Sau bài "phát biểu" của Xuân Tóc Đỏ, thái độ của công chúng ra sao?*** **A. Bùi ngùi, cảm động** B. Căm ghét, oán hận C. Khinh bỉ và muốn đánh hắn D. Trân trọng và hết sức ngợi ca ***Câu 12: Cách xưng hô gọi "mi" xưng "ta" của Xuân Tóc Đỏ thể hiện điều gì?*** **A. Thể hiện thái độ trịch thượng coi mình như đấng cứu thế của Xuân và sự khinh thường quần chúng.** B. Thể hiện sự ngu muội của kẻ sĩ vô học. C. Thể hiện sự cao thượng của một kẻ vừa cứu quốc. D. Thể hiện sự xuẩn ngốc của Xuân Tóc Đỏ, càng làm vở kịch trở nên lố bịch.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Tạo mối liên hệ giữa những thông tin trong văn bản với đời sống

b. Nội dung: HS suy nghĩ, làm bài tập

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn khoảng 150 chữ nêu ấn tượng của bạn về khả năng của tiểu thuyết trong việc diễn tả bức tranh đời sống, thời đại qua đoạn trích *"Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"*.

Tích hợp công nghệ AI:

12.D1.1. Nhận biết được một số phương án thiết kế và vận hành hệ thống AI phù hợp để đạt hiệu quả cao trong một số nhiệm vụ cụ thể.

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo bài làm cá nhân

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá; chiếu (đọc) đoạn văn mẫu

Đoạn văn tham khảo

Tiểu thuyết có khả năng lớn lao trong việc phản ánh hiện thực đời sống. Ta có thể thấy rõ điều này qua đoạn trích *"Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"* thuộc tác phẩm *"Số đỏ"* của nhà văn Vũ Trọng Phụng – một bức tranh sống động về đời sống và thời đại mà nó miêu tả. Bằng bút pháp trào lộng, tác giả đã đưa đến trước mắt người đọc

khung cảnh một trận đấu quần vợt lịch sử với nhiều tình huống, sự việc và các mối quan hệ sinh động, hài hước. Đoạn trích không chỉ mô tả về nhân vật chính mà còn phản ánh một cách sâu sắc tình hình chính trị, xã hội và tâm lý con người thời buổi Âu hóa. Chân dung nhân vật chính là Xuân Tóc Đỏ được phác họa từ nhiều phương diện: hành động, ngôn ngữ, tính cách và đặc biệt là trong chiều dài số phận, cuộc đời xoay quanh những mối quan hệ phức tạp. Sự tương tác đa chiều giữa các nhân vật cùng với những trăn trở của về con người trong những mối quan hệ xã hội làm nên bức tranh đời sống phản ánh chân thực về thời đại. Điều này đã làm nổi bật khả năng của tiểu thuyết: phản ánh những khía cạnh sâu sắc của con người và xã hội. Thông qua đoạn trích nói riêng, ta thấy rằng không thể phủ nhận sức mạnh đặc biệt của tiểu thuyết trong việc tái hiện bức tranh đời sống ở cả bề rộng và bề sâu, đưa tới độc giả những thông điệp và tư tưởng mà nhà văn gửi gắm.

4. Củng cố: Nội dung kiến thức bài học; Nghệ thuật văn bản.

5. HDVN: Làm phần kết nối đọc viết trong SGK

PHIẾU HỌC TẬP 1 – VĂN BẢN 1

Hs tìm hiểu thông tin về tác giả (ở nhà)

Tìm hiểu	Trả lời
Cuộc đời	
Sự nghiệp	
Phong cách	

PHIẾU HỌC TẬP 2 – VĂN BẢN 1

Hs tìm hiểu thông tin về tác phẩm và đoạn trích (ở nhà)

Tìm hiểu	Trả lời
Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm	
Thể loại, PTBĐ	
Xuất xứ, vị trí đoạn trích	
Bố cục đoạn trích	

PHIẾU HỌC TẬP 3 – VĂN BẢN 1

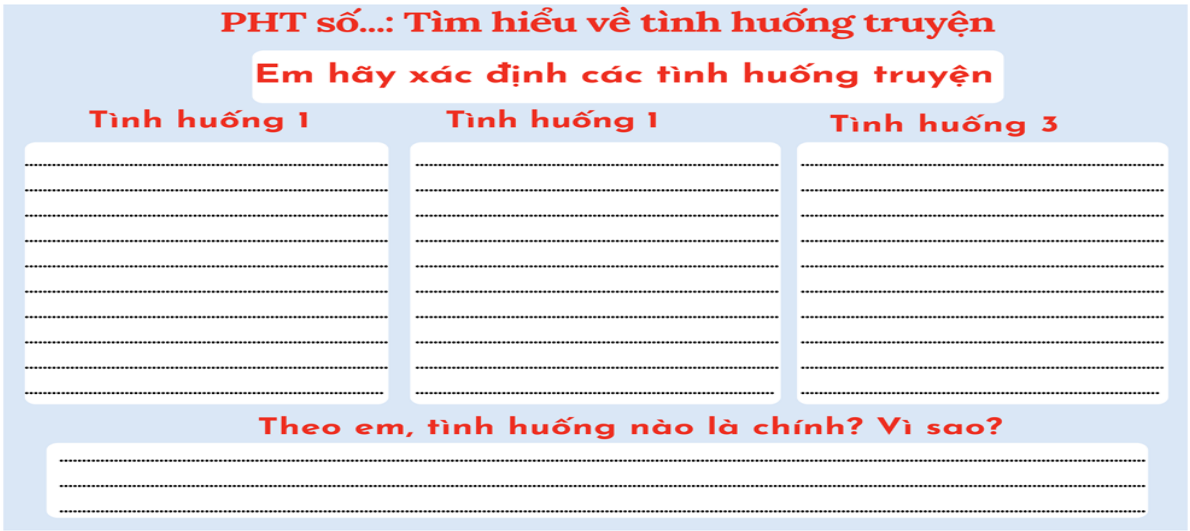

PHIẾU HỌC TẬP 4 – VĂN BẢN 1

Theo lời tác giả: "*Số đỏ* tập trung cao độ thể hiện sự dị dạng của con người trong một xã hội đang tư sản hoá cuối mùa". Sự "dị dạng của con người" thể hiện như thế nào qua các nhân vật trong đoạn trích? *(Hs thảo luận nhóm 4-6 em theo **PHT số 5**).*

ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRÀO PHÚNG			
Khía cạnh		**Biểu hiện/ dẫn chứng**	**Nhận xét**
Tên gọi			
Hành động			
Lời nói			
Kết luận			

PHIẾU HỌC TẬP 5 – VĂN BẢN 1

Phân tích nét đặc sắc của cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện trước công chúng. (HS thảo luận theo **PHT số 6**).

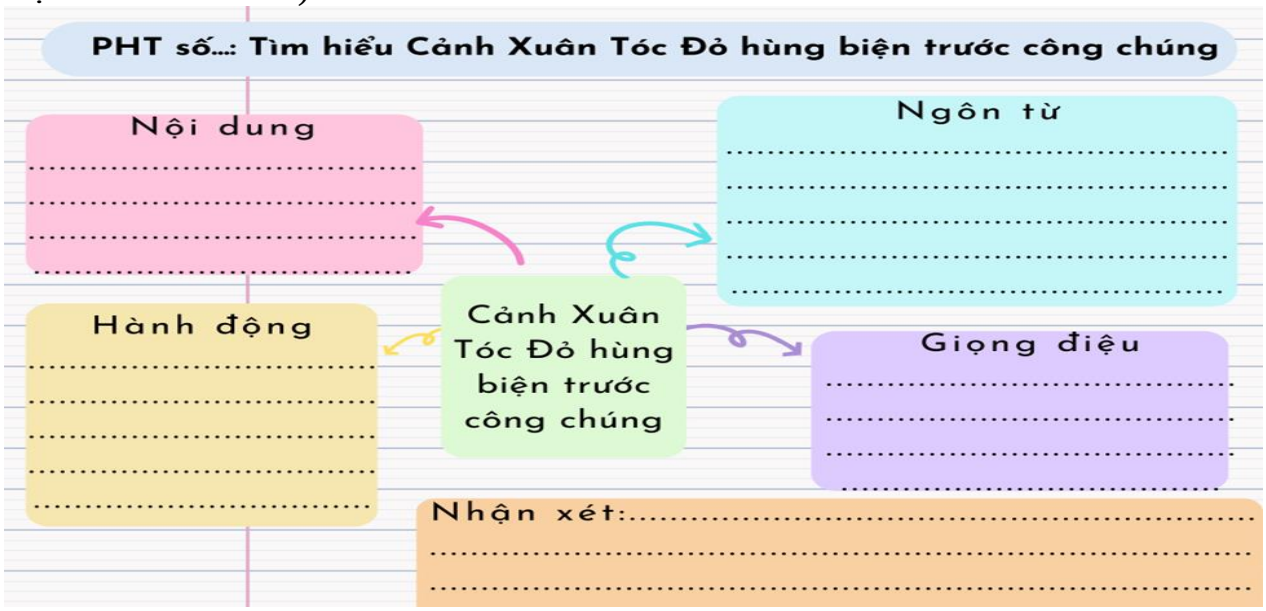

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6 – VĂN BẢN 1

PHIẾU HỌC TẬP		
STT	**Dấu hiệu của tiểu thuyết hoạt kê**	**Biểu hiện trong văn bản**
1		
2		
3		
4		
5		
…		

PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số
1	Hoạt động hình thành kiến thức	- Yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, xử lý tư liệu và trình bày trước lớp.	1.1.NC1b Học sinh sử dụng công cụ tìm kiếm (Google, thư viện số,...) để thu thập dữ liệu về tác giả/tác phẩm, video phân tích hoặc các bài viết học thuật liên quan.
2	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu HS tìm kiếm thông tin, tư liệu để so sánh, đối chiếu.	4.2.NC1a Học sinh ghi rõ nguồn tài liệu (tên sách, tên tác giả, đường link trang web) khi hoàn thành phiếu học tập hoặc slide trình chiếu; không chia sẻ mật khẩu khi dùng chung nền tảng học tập trực tuyến.
3	Hoạt động luyện tập	Viết đoạn văn khoảng 150 chữ nêu ấn tượng của bạn về khả năng của tiểu thuyết trong việc diễn tả bức tranh đời sống, thời đại qua đoạn trích *"Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"*.	12.D1.1. Nhận biết được một số phương án thiết kế và vận hành hệ thống AI phù hợp để viết đoạn văn đạt hiệu quả cao.

Tiết 4,5,6 **VĂN BẢN 2: MÙA LÁ RỤNG TRONG VƯỜN**
(Trích) – Ma Văn Kháng

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Về năng lực:

a. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học thông qua việc đọc trước văn bản, khai thác học liệu số.
- Giao tiếp và hợp tác trong hoạt động nhóm.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo khi phân tích nhân vật, liên hệ thực tiễn.

b. Năng lực đặc thù môn Ngữ văn:

- Đọc hiểu văn bản truyện hiện đại.
- Phân tích nhân vật từ nhiều phương diện.
- Phân tích chi tiết nghệ thuật.
- Nhận xét giá trị nội dung và nghệ thuật.
- Trình bày quan điểm cá nhân có căn cứ.

2. Phẩm chất

- **Nhân ái:** Trân trọng tình cảm gia đình, biết yêu thương, lắng nghe, sẻ chia với các thành viên trong gia đình; có ý thức ứng xử văn minh khi trao đổi, tương tác trên môi trường số.
- **Trách nhiệm:** Có ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp của gia đình, truyền thống văn hóa dân tộc; sử dụng, chia sẻ thông tin và học liệu số về tác giả, tác phẩm đúng quy định về bản quyền, nguồn trích dẫn và đạo đức số.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết và thực hành tiếng Việt.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học sinh

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12.
- Máy tính, máy chiếu, Internet.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Khơi gợi hứng thú học tập, kích hoạt vốn sống và trải nghiệm của học sinh về tình cảm gia đình.
- Hình thành tâm thế tiếp nhận văn bản *Mùa lá rụng trong vườn.*
- Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, trình bày suy nghĩ.

b. Nội dung:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: KHOẢNH KHẮC ĐOÀN TỤ

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên cho học sinh xem video ngắn về **chị Hoài trở về thăm gia đình chồng cũ** và **ông Bằng chuẩn bị lễ cúng gia tiên**.

Yêu cầu học sinh chú ý đến không gian, hành động và nét mặt của hai nhân vật.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ cá nhân hoặc trao đổi theo cặp, trả lời:

1. Câu chuyện diễn ra trong không gian và thời điểm nào?
2. Nét mặt của chị Hoài và ông Băng thể hiện tâm trạng gì?
3. Hình ảnh bó hoa cúc, thẻ hương và bàn thờ gia tiên gợi cho em suy nghĩ gì về gia đình?

Bước 3. Báo cáo, chia sẻ

Một số học sinh trình bày cảm nhận. Các học sinh khác lắng nghe và bổ sung.

Gợi ý: Không khí cuối năm trang nghiêm, ấm cúng nhưng phảng phất nỗi buồn; các nhân vật trân trọng tình thân, truyền thống gia đình và luôn hướng về cội nguồn.

Bước 4. Kết luận

Giáo viên nhận xét, khái quát: Dù cuộc sống có nhiều đổi thay, tình cảm gia đình, sự gắn bó giữa các thế hệ và truyền thống thờ cúng tổ tiên vẫn luôn có ý nghĩa thiêng liêng.

Lời dẫn vào bài

"Các em thân mến, mỗi dịp cuối năm, con người thường mong muốn trở về bên gia đình, cùng nhau sửa soạn bàn thờ và tưởng nhớ tổ tiên. Thế nhưng, đằng sau khoảnh khắc đoàn tụ ấy có thể là những nỗi niềm, trăn trở trước sự đổi thay của cuộc sống. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng bước vào một gia đình trong buổi chiều cuối năm để cảm nhận sâu sắc vẻ đẹp của tình thân và những giá trị truyền thống qua đoạn trích **Mùa lá rụng trong vườn** của nhà văn **Ma Văn Kháng**."

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. TÌM HIỂU CHUNG

Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu tác giả Ma Văn Kháng và tác phẩm *Mùa lá rụng trong vườn*.

a. Mục tiêu:

- Nắm được những nét chính về tác giả Ma Văn Kháng.
- Hiểu xuất xứ, vị trí đoạn trích trong tiểu thuyết Mùa lá rụng trong vườn.
- Bước đầu xác định được chủ đề văn bản.
- Phát triển năng lực đọc hiểu, khai thác thông tin, hợp tác nhóm.

b. Nội dung:

HS đọc thông tin trong SGK để hoàn thành Phiếu học tập số 1.

c. Sản phẩm:

Phiếu học tập số 1 hoàn chỉnh..

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nội dung	Kết quả
Tác giả Ma Văn Kháng	
Hoàn cảnh sáng tác tiểu thuyết	
Vị trí đoạn trích	
Chủ đề dự đoán của văn bản tự	

b. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1. Đọc văn bản **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, đoạn trích. GV chia lớp thành 4 nhóm. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** HS: - đọc SGK; - xem video; - quan sát sơ đồ; - trao đổi nhóm; - thống nhất nội dung. GV quan sát, hỗ trợ các nhóm. **Bước 2: Báo cáo, thảo luận** Đại diện nhóm trình bày. Các nhóm nhận xét, bổ sung. **Bước 3: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét chốt kiến thức	**I. Đọc và tìm hiểu chung:** **1. Tác giả:** - Là một trong những nhà văn tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại. - Sáng tác của ông tập trung phản ánh đời sống con người trong quá trình đổi mới, đặc biệt là những biến đổi của gia đình và xã hội. - Văn phong giàu chất hiện thực, giàu tính nhân văn, đi sâu khám phá đời sống nội tâm nhân vật. **2. Tác phẩm:** - *Mùa lá rụng trong vườn* xuất bản năm 1985. - Được trao Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1986. - Tiểu thuyết viết về những biến động của một gia đình Hà Nội trong thời kỳ đất nước chuyển mình sau chiến tranh. **3. Đoạn trích:** - Trích chương II của tiểu thuyết. - Kể về cuộc đoàn tụ cuối năm của gia đình ông Bằng. - Qua cuộc gặp gỡ giữa các thành viên, tác giả ca ngợi vẻ đẹp của tình thân, truyền thống gia đình và những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

2.2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:

Nhiệm vụ 1. GIẢI MÃ TÌNH HUỐNG TRUYỆN

a. Mục tiêu:

Sau hoạt động, HS:

- Xác định được tình huống truyện của đoạn trích.
- Nhận biết được ý nghĩa của việc lựa chọn thời gian, không gian và sự kiện mở đầu.
- Bước đầu nhận ra dụng ý nghệ thuật của Ma Văn Kháng trong việc xây dựng tình huống truyện.
- Phát triển năng lực đọc hiểu, tư duy phản biện, hợp tác.

b. Nội dung:

HS đọc phần đầu đoạn trích và giải quyết vấn đề trung tâm:

Vì sao Ma Văn Kháng không mở đầu bằng lễ cúng tất niên mà mở đầu bằng sự trở về của chị Hoài?

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập số 1.
- Sản phẩm thảo luận.
- Kết luận của nhóm về tình huống truyện.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm 1: Hoàn thành bảng sau
Bối cảnh truyện

Yếu tố	Chi tiết trong văn bản	Ý nghĩa ban đầu
Thời gian		
Không gian		
Sự kiện mở đầu		
Nhân vật xuất hiện đầu tiên		

Nhóm 2: Hoàn thành bảng
Các thành viên trong gia đình có biểu hiện gì?

Nhân vật	Biểu hiện	Ý nghĩa
Ông Bằng		
Phượng		
Luận		
Đông		

b. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 2 nhóm. Mỗi nhóm nhận một Phiếu học tập. Thực hiện xong phiếu học tập, 2 nhóm thảo luận chung: Từ việc nêu tình huống và biểu hiện cụ thể của tình huống, em suy nghĩ như thế nào về ý nghĩa của tình huống trên? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS: - đọc lại đoạn trích; - thảo luận; - gạch chân các chi tiết tiêu biểu; - lựa chọn dẫn chứng; - hoàn thành Phiếu học tập; GV quan sát, hỗ trợ các nhóm. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** Đại diện từng nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV đặt câu hỏi gợi mở: - Vì sao sự xuất hiện của chị Hoài khiến cả gia đình xúc động?	**II. Đọc hiểu văn bản** **1. Tình huống truyện:** - Thời gian: chiều cuối năm, trước lễ cúng tất niên. - Không gian: ngôi nhà của ông Bằng – nơi các thế hệ sum họp. - Sự kiện khởi đầu: chị Hoài trở về thăm gia đình. - Ý nghĩa: tạo điểm gặp gỡ giữa hiện tại và quá khứ, giữa tình cảm con người và truyền thống gia đình.

- Điều gì làm nên sức hấp dẫn của cuộc gặp gỡ này? - Nếu bỏ nhân vật chị Hoài khỏi đoạn trích thì ý nghĩa câu chuyện có thay đổi không? Vì sao? **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức	

Nhiệm vụ 2. GIẢI MÃ NGHỆ THUẬT TỔ CHỨC THẾ GIỚI NHÂN VẬT

a. Mục tiêu:

Sau hoạt động, HS:

- Nhận biết được cách Ma Văn Kháng xây dựng hệ thống nhân vật trong đoạn trích.
- Phân tích được mối quan hệ giữa các nhân vật để làm nổi bật chủ đề tác phẩm.
- Hiểu được vai trò của nhân vật trung tâm trong việc kết nối các tuyến nhân vật.
- Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của tiểu thuyết hiện đại.

b. Nội dung:

HS đọc lại văn bản và giải quyết vấn đề:

Trong đoạn trích, Ma Văn Kháng không xây dựng các nhân vật riêng lẻ mà đặt họ trong một mạng lưới quan hệ. Cách tổ chức ấy góp phần thể hiện chủ đề như thế nào?

c. Sản phẩm:

Phiếu học tập số 2.

Sơ đồ mạng lưới nhân vật trên Padlet/Canva.

Phần trình bày của nhóm.

<table>
<tr><th>Tổ chức thực hiện</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV hướng dẫn HS tìm hiểu
- Vì sao mọi mối quan hệ đều quy tụ về ông Bằng?
- Chị Hoài có vai trò gì trong việc kết nối các thành viên?
- Người vợ đã khuất không trực tiếp xuất hiện nhưng vì sao vẫn là một “nhân vật” quan trọng của đoạn trích?
- Qua cách tổ chức hệ thống nhân vật, Ma Văn Kháng muốn nhấn mạnh điều gì?
Quan sát mạng lưới nhân vật và trả lời:
Nhân vật nào là trung tâm kết nối các mối quan hệ? Vì sao?
……
……</td><td>2. Nghệ thuật tổ chức thế giới nhân vật.
- Các nhân vật không tồn tại riêng lẻ mà được đặt trong một mạng lưới quan hệ xoay quanh ông Bằng.
- Mỗi nhân vật đại diện cho một phương diện của đời sống gia đình:
+ Chị Hoài: tình nghĩa, sự thủy chung.
+ Ông Bằng: cội nguồn, truyền thống, sự kết nối các thế hệ.
+ Con cháu: sự tiếp nối và kế thừa.
+ Người vợ đã khuất: ký ức và nền nếp gia đình.
Sự tương tác giữa các nhân vật làm nổi bật chủ đề: gia đình được bền vững nhờ tình nghĩa và sự tiếp nối các giá trị truyền thống.
<table><tr><th>Tiêu chí</th><th>Ông Bằng</th></tr><tr><td>Vị trí trong gia đình</td><td>Người cha, trụ cột tinh thần của gia đình</td></tr></table></td></tr>
</table>

Theo em, nếu thiếu nhân vật chị Hoài, mạng lưới quan hệ ấy sẽ thay đổi như thế nào? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV trình chiếu sản phẩm của các nhóm. Tổ chức thảo luận bằng hệ thống câu hỏi: - Vì sao mọi mối quan hệ đều quy tụ về ông Bằng? - Chị Hoài có vai trò gì trong việc kết nối các thành viên? - Người vợ đã khuất không trực tiếp xuất hiện nhưng vì sao vẫn là một "nhân vật" quan trọng của đoạn trích? - Qua cách tổ chức hệ thống nhân vật, Ma Văn Kháng muốn nhấn mạnh điều gì? HS phản biện, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét chốt kiến thức.			gắn bó với chồng
	Hoàn cảnh	Tuổi già, trải qua nhiều biến cố sau chiến tranh, chứng kiến những đổi thay của các con.	Chồng hi s sống có h mới như nặng tình đình chồng
	Phẩm chất nổi bật	Nhân hậu, điềm đạm, giàu lòng yêu thương, coi trọng truyền thống và nề nếp gia đình.	Thủy chun tình, hiếu t lòng vị th trước sau n
	Tâm trạng tiêu biểu	Trăn trở trước sự biến đổi của các giá trị gia đình, vừa buồn vừa bao dung.	Xúc động k thăm gia đ nhớ thươn ơn những thân cũ.
	Hành động tiêu biểu	Giữ gìn nếp nhà, quan tâm con cháu, trân trọng sự trở về của chị Hoài.	Trở về th đình tron giỗ, chu đá bị quà, kí ông Bằng người.
	Ý nghĩa biểu tượng	Biểu tượng của cội nguồn, truyền thống, nền nếp và tình phụ tử.	Biểu tượ lòng thủy nghĩa tình bó bền c con người đình.
	Vai trò trong chủ đề tác phẩm	Thể hiện khát vọng giữ gìn các giá trị đạo đức, truyền thống trong bối cảnh xã hội đổi thay.	Khẳng địn của tình n đình, góp p ấm và gắn thành viên.
	Đánh giá	Một người cha đáng kính, giàu đức hi sinh và bao dung.	Một người đẹp cả về n lẫn tình cả nhiều xúc c người đọc.

Nhiệm vụ 3. KHÁM PHÁ KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT VÀ CHI TIẾT BIỂU TƯỢNG

a. Mục tiêu:

Sau hoạt động, HS:

- Xác định được không gian nghệ thuật chủ đạo của đoạn trích.
- Phân tích được vai trò của các chi tiết nghệ thuật (bàn thờ gia tiên, lễ cúng tất niên, lời khấn của ông Bằng) trong việc thể hiện chủ đề.

- Lí giải được ý nghĩa biểu tượng của không gian nghệ thuật – một đặc trưng của thể loại tiểu thuyết.
- Phát triển năng lực đọc hiểu, hợp tác, giải quyết vấn đề.

b. Nội dung:

HS đọc phần văn bản từ: "Ông Bằng soát lại hàng khuy áo…" đến hết đoạn trích để giải quyết vấn đề: Ma Văn Kháng đã tổ chức không gian nghệ thuật như thế nào để làm nổi bật chủ đề của đoạn trích?

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập số 3.
- Kết luận của nhóm.

b. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Tổ chức thực hiện</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (2 phút)
GV giao nhiệm vụ: Không gian nghệ thuật và chi tiết biểu tượng.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (8 phút)
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3
Câu 1. Xác định
Đọc văn bản và hoàn thành bảng sau:
<table>
<tr><td>Không gian nghệ thuật</td><td>Dẫn chứng trong văn bản</td></tr>
<tr><td>Không gian sinh hoạt gia đình</td><td rowspan="3"></td></tr>
<tr><td>Không gian thờ cúng</td></tr>
<tr><td>Không gian đoàn tụ</td></tr>
</table>
Câu 2. Phân tích
Quan sát các không gian vừa xác định.
Không gian nào được tác giả tập trung khắc họa nhiều nhất?
Hãy tìm 02–03 chi tiết chứng minh.
……
Câu 3. Lí giải
Từ những chi tiết vừa tìm được, hãy hoàn thành bảng:
<table>
<tr><td>Chi tiết nghệ thuật</td><td>Ý nghĩa</td></tr>
<tr><td>Bàn thờ gia tiên</td><td rowspan="3"></td></tr>
<tr><td>Lễ cúng tất niên</td></tr>
<tr><td>Lời khấn của ông Bằng</td></tr>
</table>
Câu 4. Khái quát
Từ cách tổ chức không gian nghệ thuật, em hãy hoàn thành nhận định:
</td><td>
3. Không gian nghệ thuật và chi tiết biểu tượng
- Không gian nghệ thuật trung tâm là ngôi nhà của ông Bằng, trong đó bàn thờ gia tiên là điểm hội tụ của các giá trị văn hóa và tinh thần.
- Các chi tiết lễ cúng tất niên, lời khấn của ông Bằng, sự sum họp của con cháu không chỉ tái hiện một phong tục đẹp mà còn biểu tượng cho sự kết nối giữa quá khứ – hiện tại – tương lai.
- Qua việc tổ chức không gian nghệ thuật, Ma Văn Kháng khẳng định: gia đình là nơi lưu giữ và tiếp nối những giá trị bền vững của văn hóa Việt Nam.
</td></tr>
</table>

Trong đoạn trích, không gian gia đình không chỉ là nơi diễn ra câu chuyện mà còn là …… (HS viết khoảng 2–3 dòng.) **Bước 3: Báo cáo, thảo luận (5 phút)** Tổ chức thảo luận theo một mạch tư duy: **Câu hỏi 1:** Không gian nào giữ vai trò trung tâm trong đoạn trích? → HS trả lời, chỉ ra dẫn chứng. **Câu hỏi 2:** Những chi tiết nghệ thuật nào góp phần làm nổi bật không gian ấy? → HS dẫn chứng từ văn bản. **Câu hỏi 3:** Qua cách tổ chức không gian nghệ thuật, Ma Văn Kháng muốn khẳng định điều gì về gia đình? → HS khái quát. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** (3 phút) GV nhận xét theo các tiêu chí: - Xác định đúng không gian. - Lựa chọn được dẫn chứng tiêu biểu. - Lí giải hợp lí. - Khái quát đúng chủ đề. GV chuẩn hóa kiến thức.	

Nhiệm vụ 4. KHÁI QUÁT CHỦ ĐỀ VÀ TƯ TƯỞNG CỦA ĐOẠN TRÍCH

a. Mục tiêu:

Sau hoạt động, HS:

- Khái quát được chủ đề của đoạn trích.
- Phân tích được mối quan hệ giữa tình huống truyện, hệ thống nhân vật và không gian nghệ thuật trong việc thể hiện tư tưởng của tác phẩm.
- Đánh giá được giá trị tư tưởng và ý nghĩa của đoạn trích đối với cuộc sống hôm nay.

b. Nội dung:

HS tổng hợp kết quả của ba nhiệm vụ trước để giải quyết vấn đề:

Qua cách xây dựng tình huống truyện, tổ chức hệ thống nhân vật và không gian nghệ thuật, Ma Văn Kháng muốn gửi gắm thông điệp gì về gia đình Việt Nam?

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập số 4.
- Sơ đồ tổng hợp
- Bài trình bày của nhóm.

b. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (2 phút) GV cho HS nhìn sơ đồ sau: **MÙA LÁ RỤNG TRONG VƯỜN** Tình huống truyện	**IV. Chủ đề, tư tưởng của đoạn trích:** **- Chủ đề:** Đoạn trích ca ngợi những

Hệ thống nhân vật | Không gian nghệ thuật | CHỦ ĐỀ | THÔNG ĐIỆP GV giao nhiệm vụ: "Các nhóm sử dụng kết quả của ba nhiệm vụ trước để hoàn thiện sơ đồ. Không đọc lại văn bản từ đầu mà khai thác chính những phát hiện đã có." **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). (8 phút) **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4** **Nhóm 1** Hoàn thành bảng: <table><tr><th>Yếu tố nghệ thuật</th><th>Góp phần thể hiện điều gì?</th></tr><tr><td>Tình huống truyện</td><td rowspan="3"></td></tr><tr><td>Hệ thống nhân vật</td></tr><tr><td>Không gian nghệ thuật</td></tr></table> **Nhóm 2. Khái quát** Gia đình ↓ ..... ↓ ..... ↓ Thông điệp của tác phẩm Mỗi nhóm phụ trách một nhánh: - Nhóm 1: Tình huống truyện. - Nhóm 2: Hệ thống nhân vật. - Nhóm 3: Không gian nghệ thuật. Sau khi hoàn thành, nhóm 4 nhận xét sản phẩm của ba nhóm còn lại và đề xuất chỉnh sửa nếu cần. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận (5 phút)** GV trình chiếu sơ đồ hoàn chỉnh.	giá trị bền vững của gia đình Việt Nam; khẳng định vai trò của tình thân, truyền thống và đạo lí trong việc gắn kết các thế hệ. **- Tư tưởng:** Dù cuộc sống có nhiều biến động, con người vẫn cần giữ gìn cội nguồn, truyền thống và tình nghĩa gia đình để có điểm tựa tinh thần.

Tổ chức thảo luận theo một mạch câu hỏi: **Câu hỏi :** Tình huống truyện, hệ thống nhân vật và không gian nghệ thuật đã cùng hướng tới làm nổi bật vấn đề gì? **Câu hỏi 2:** Từ đó, em hãy khái quát chủ đề của đoạn trích bằng một câu hoàn chỉnh. **Câu hỏi 3:** Thông điệp của đoạn trích còn có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống gia đình hiện nay? **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

HS:

- Củng cố kiến thức về đặc trưng thể loại tiểu thuyết thông qua việc giải quyết một tình huống đọc hiểu.
- Vận dụng kiến thức về tình huống truyện, thế giới nhân vật, không gian nghệ thuật và chủ đề để phân tích văn bản.
- Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác và phản biện.

b. Nội dung:

HS giải quyết tình huống đọc hiểu: Nếu phải lựa chọn một yếu tố nghệ thuật quan trọng nhất góp phần làm nổi bật chủ đề của đoạn trích, em sẽ lựa chọn yếu tố nào? Vì sao?

c. Sản phẩm:

- Phiếu lập luận của nhóm.
- Phần trình bày của HS.

b. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Tổ chức thực hiện</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr>
<td>
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
GV tổ chức trò chơi “Nhà phê bình trẻ”.
.
Theo em, yếu tố nghệ thuật nào góp phần quan trọng nhất làm nổi bật chủ đề của đoạn trích?
A. Tình huống truyện.
B. Hệ thống nhân vật.
C. Không gian nghệ thuật.
D. Sự kết hợp của các yếu tố trên.
HS trả lời.
GV công bố kết quả bình chọn.
Không chốt đáp án.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
Sau khi biết kết quả bình chọn, GV chia lớp thành 04 nhóm. Mỗi nhóm bảo vệ một phương án.
Yêu cầu:
Nhóm chuẩn bị lập luận theo mẫu:
<table>
<tr><td>Luận điểm</td><td>Dẫn chứng</td><td>Lí giải</td></tr>
</table>
Thời gian: 5 phút.
</td>
<td>
Củng cố kiến thức về đặc trưng thể loại tiểu thuyết thông qua việc giải quyết một tình huống đọc hiểu:
- Không có yếu tố nghệ thuật nào tồn tại riêng lẻ.
- Chủ đề của đoạn trích được hình thành từ sự phối hợp giữa tình huống truyện, hệ thống nhân vật, không gian nghệ thuật và các chi tiết biểu tượng.
- Đó cũng là đặc trưng của nghệ thuật xây dựng tiểu thuyết.
</td>
</tr>
</table>

Bước 3.Báo cáo và Thảo luận. - Mỗi nhóm trình bày 2 phút. - Các nhóm khác đặt câu hỏi phản biện. **Bước 4. Đánh giá** GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức. **Câu 1:** Chi tiết nào góp phần làm nổi bật không khí thiêng liêng của gia đình ông Bằng? A. Bữa cơm chiều B. Cuộc họp gia đình C. Lễ cúng tất niên trước bàn thờ tổ tiên D. Chuyến đi chơi đầu năm ✔ Đáp án: C **Câu 2:** Nhân vật trung tâm làm nổi bật chủ đề truyền thống gia đình là: A. Đông B. Luận C. Phượng D. Ông Bằng ✔ Đáp án: D **Câu 3:** Qua nhân vật chị Hoài, tác giả muốn ngợi ca phẩm chất nào? A. Giỏi kinh doanh B. Ham học hỏi C. Thủy chung, nghĩa tình, giàu lòng yêu thương D. Quyết đoán ✔ Đáp án: C **Câu 4:** Thông điệp quan trọng nhất của đoạn trích là: A. Con người phải giàu có. B. Cuộc sống hiện đại làm mất truyền thống. C. Gia đình và truyền thống là điểm tựa bền vững của mỗi con người. D. Mỗi người nên sống độc lập. ✔ Đáp án: C **Câu 5:** Biện pháp nghệ thuật nổi bật của đoạn trích là: A. Tưởng tượng kỳ ảo B. Khoa trương C. Châm biếm D. Miêu tả tâm lí kết hợp đối thoại tự nhiên ✔ Đáp án: D	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

(có thể thực hiện trên lớp hoặc giao về nhà)

a. Mục tiêu:HS:

- Vận dụng những hiểu biết về chủ đề và đặc trưng thể loại tiểu thuyết để giải quyết một vấn đề thực tiễn.

- Biết liên hệ giữa giá trị của tác phẩm với đời sống gia đình hiện nay.
- Hình thành ý thức trân trọng, gìn giữ các giá trị truyền thống.

b. Nội dung: Tình huống vận dụng

- GV nêu tình huống: Hiện nay, nhiều gia đình ít có thời gian quây quần bên nhau; nhiều phong tục truyền thống dần bị mai một. Nếu được tham gia một chiến dịch truyền thông với chủ đề "Giữ lửa gia đình Việt", em sẽ gửi gắm thông điệp gì từ đoạn trích Mùa lá rụng trong vườn?

c. Sản phẩm:

HS trả lời hoặc quay video ngắn (1–2 phút) chia sẻ thông điệp.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành các nhóm.

Mỗi nhóm lựa chọn một hình thức sản phẩm số.

Yêu cầu:

- Có tiêu đề.
- Có hình ảnh phù hợp.
- Có thông điệp rõ ràng.
- Có trích dẫn một câu hoặc một chi tiết trong đoạn trích.
- Có lời kêu gọi hành động.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS sử dụng điện thoại hoặc máy tính bảng.

Thời gian trên lớp:

8 phút phác thảo.

Hoàn thiện ở nhà.

Bước 3. Chia sẻ

Bước 4. Đánh giá

GV đánh giá theo Rubric

Tiêu chí	Mức đạt
Nội dung đúng thông điệp	3 điểm
Liên hệ với tác phẩm	2 điểm
Tính sáng tạo	2 điểm
Thẩm mĩ	2 điểm
Khả năng truyền cảm hứng	1 điểm

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản tiểu thuyết có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài: Thực hành tiếng Việt:** Biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ: đặc điểm và tác dụng

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết:7

BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI MỈA, NGHỊCH NGỮ: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **thực hành Tiếng Việt, giúp HS:**

- Nhận biết được các dấu hiệu đặc trưng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ trong các phát ngôn nói chung và trong văn bản viết (nhất là văn bản văn học) nói riêng.
- Biết vận dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ trong nói và viết nhằm đạt được những mục đích cụ thể đã xác định.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ vào các nhiệm vụ trong thực tiễn.

2. Phẩm chất: Trân trọng, giữ gìn và phát huy giá trị của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS xem video, trả lời câu hỏi kết nối vào bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS xem Clip: https://www.youtube.com/watch?v=P6FkawQphz8&t=5350s (Từ 1:28:12 đến 1:29:49)	HS trả lời theo cảm nhận của cá nhân, chẳng hạn:

- HS trả lời các câu hỏi: + Hãy chỉ ra trong trích đoạn yếu tố gây cười đối với người xem. + Tại sao chúng ta thấy buồn cười? **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo** - HS xem video và thể hiện suy nghĩ cá nhân. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời, tuyên dương HS có cảm nhận sâu sắc. - GV dẫn vào bài: Ông muốn gì?/Ông thích gì?/Ông nói thế mà nghe được à?,... của Ngọc Hoàng trong đoạn video ta vừa xem quả thực khiến ta vừa buồn cười, vừa băn khoăn về vị thế của Ngọc Hoàng. Nghịch ngữ là ở đó, mỉa mai cũng ở đó . Vậy thế nào là nói mỉa, nghịch ngữ, dấu hiệu để nhận biết và tác dụng là gì, hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.	- Yếu tố gây cười: Những lời đối thoại của táo Giao thông và Ngọc Hoàng (Nội dung thông báo xả lũ, bắn pháo hoa ba màu làm tín hiệu của táo Giao thông. Ông muốn gì?/Ông thích gì?/Ông nói thế mà nghe được à?,... của Ngọc Hoàng). - Nguyên nhân gây cười: + Một buổi chầu nghiêm túc mà nói nhầm, nói giỡn, thoải mái như trẻ con. + Lời nói và cảm xúc của Ngọc Hoàng hoàn toàn đối lập với vị trí và vai trò trị vì của Ngọc Hoàng. ...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(… phút)

a. Mục tiêu: Nhận biết được các dấu hiệu đặc trưng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ trong các phát ngôn nói chung và trong văn bản viết (nhất là văn bản văn học) nói riêng.

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi **Đường chinh phục đỉnh cao Tiếng Việt (Vòng 1: Đọ sức đua tài, Vòng 2: Vượt trở ngại)**.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu đặc điểm của biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** **GV tổ chức cuộc thi:** **Đường chinh phục đỉnh cao Tiếng Việt (Vòng 1: Đọ sức đua tài)** GV chia lớp làm 4 nhóm, 2 thư kí ghi điểm. GV nêu thể lệ trò chơi:	**I. Biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ** **1. Đặc điểm** **a. Nói mỉa** - Là biện pháp tu từ thể hiện thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn của

- Có 02 gói câu hỏi với nhiều lựa chọn (mỗi lựa chọn đúng trong gói sẽ được 10 điểm). Sau 2 phút đọc lại Tri thức Ngữ văn nhóm nào trả lời đúng nhiều nhất sẽ là nhóm giành chiến thắng.
- Các nhóm chỉ được phất cờ/ bấm chuông/ giơ tay khi cô giáo đọc xong gói câu hỏi.
- Thời gian suy nghĩ cho mỗi gói câu hỏi là 1 phút tối đa

Câu hỏi:

Gói 1. Chọn những ý đúng về nói mỉa:

1. Chính là phép ẩn dụ.

2. Là biện pháp tu từ thể hiện thái độ mỉa mai.

3. Là sự kết hợp nhiều phương thức biểu đạt khác nhau trong cùng một đoạn văn bản.

4. Sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn của người nói, người viết về sự vật, sự việc được đề cập.

5. Người nói, người viết tạo ra sự mâu thuẫn cố ý giữa phần hiển ngôn và phần hàm ngôn của một lời nói hay của cả chuỗi phát ngôn.

6. Phần hiển ngôn dường như thể hiện thái độ tán thành, khen ngợi hoặc trung lập, khách quan trước đối tượng được nói tới.

7. Phần hàm ngôn lại cho biết một thái độ khác: phủ nhận (ở những mức độ khác nhau) hoặc dè bỉu.

8. Thể hiện thái độ căm phẫn cái xấu xa của xã hội.

Đáp án hiển thị: 2,4,5,6,7

Gói 2. Chọn những ý đúng về nghịch ngữ :

1. Là biện pháp tu từ, ở đó người nói, người viết dùng một cụm từ gây ấn tượng mạnh làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng, hoặc phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của mình.

2. Sử dụng ngôn ngữ theo một cách đặc biệt ở một đơn vị ngôn ngữ (về từ, câu, văn bản) trong một ngữ cảnh nhất định nhằm tạo sự hài hòa, cân xứng đồng thời góp phần gây ấn tượng với người đối diện, người đọc về nội dung mình muốn truyền đạt.

3. Nghĩa của nghịch ngữ đối lập với nghĩa của các cụm từ khác trong câu hoặc trong các câu khác gần kề.

4. Diễn đạt một cách tế nhị hơn tránh khỏi cảm giác đau buồn, mất mát, nặng nề...

5. Nghịch ngữ thường xuất hiện trong nói mỉa.

6. Nhấn mạnh sự phát hiện mới hay cảm nhận, liên tưởng chủ quan của người nói, người viết về một đối tượng vốn có thể được nhìn nhận khác hẳn.

người nói, người viết về sự vật, sự việc được đề cập.
- Trong nói mỉa, người nói, người viết tạo ra sự mâu thuẫn cố ý giữa phần hiển ngôn và phần hàm ngôn của một lời nói hay của cả chuỗi phát ngôn. Phần hiển ngôn dường như thể hiện thái độ tán thành, khen ngợi hoặc trung lập, khách quan trước đối tượng được nói tới nhưng phần hàm ngôn lại cho biết một thái độ khác: phủ nhận (ở những mức độ khác nhau) hoặc dè bỉu.

b. Nghịch ngữ

- Là biện pháp tu từ, ở đó người nói, người viết dùng một cụm từ gây ấn tượng mạnh làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng, hoặc phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của mình.
- Nghĩa của nghịch ngữ đối lập với nghĩa của các cụm từ khác trong câu hoặc trong các câu khác gần kề.
- Tác dụng: nhấn mạnh sự phát hiện mới hay cảm nhận, liên tưởng chủ quan của người nói, người viết về một đối tượng vốn có thể được nhìn nhận khác hẳn.
- Nghịch ngữ thường xuất hiện trong nói mỉa. Ở những trường hợp đó, mỉa mai được nhìn nhận

Đáp án hiển thị: 1,3,5,6

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS cùng nhau đọc thầm lại Tri thức Ngữ văn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm tham gia trò chơi trả lời 02 gói câu hỏi theo thể lệ.
- Các nhóm còn lại đều có quyền bổ sung để được ghi điểm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chúc mừng đội thắng cuộc vòng 1.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu dấu hiệu nhận biết của biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tiếp tục tổ chức cuộc thi:

Đường chinh phục đỉnh cao Tiếng Việt (Vòng 2: Vượt trở ngại)

GV lưu ý: Trong thời gian tối đa 5 phút, các nhóm thảo luận, hoàn thành 2 bảng nối cột tìm hiểu dấu hiệu nhận biết của nói mỉa và nghịch ngữ. Mỗi ý nối đúng trong cột được 10 điểm.

Bảng 1. Dấu hiệu nhận biết nói mỉa

Dấu hiệu		Nối	Ngữ liệu	
1	Trong lời nói xuất hiện những từ, cụm từ vốn thể hiện chiều hướng đánh giá tiêu cực về một đối tượng		"Hay ho nhỉ?"; "Đẹp mặt chưa kìa!"	**a**
2	Người nói, người viết nêu những tình huống, điều kiện phi lí gắn với khả năng, hành động, sự việc đang được nói tới.		"Cám ơn ngài, ngài đã dạy quá lời"; "Kẻ hèn mọn này đâu dám đứng ngang hàng với các vị".	**b**
3	Có sự pha trộn đáng ngờ giữa kiểu nói lịch sự và nói quá.		"Hắn mà làm được điều đó thì tôi đi đầu xuống đất!".	**c**
4	Có sự xuất hiện của yếu tố nhại		***Hẩu lố, mét xì*** *thông mọi tiếng,*	**d**

là mục đích của phát ngôn, còn nghịch ngữ được xem là phương tiện thực hiện mục đích này.

2. Dấu hiệu nhận biết

a. Nói mỉa

- Trong lời nói xuất hiện những từ, cụm từ vốn thể hiện chiều hướng đánh giá tiêu cực về một đối tượng: *hay ho, hay hớm, đẹp mặt, tốt mã, làm cha thiên hạ, ăn trắng mặc trơn, mèo mù vớ cá rán,...*
- Người nói, người viết nêu những tình huống, điều kiện phi lí gắn với khả năng, hành động, sự việc đang được nói tới.
- Có sự pha trộn đáng ngờ giữa kiểu nói lịch sự và nói quá.
- Có sự xuất hiện của yếu tố nhại trong phát ngôn.
- Có sự thay đổi bất ngờ về cách trần thuật hay giọng điệu trần thuật ngay trong một đoạn văn.

b. Nghịch ngữ

- Có sự kết hợp dường như phi lí giữa các từ mang nghĩa đối chọi ngay trong một cụm từ.
- Câu có cụm từ mang tính chất của một phụ chú khác thường đối với đối tượng được đề cập trước đó.

	trong phát ngôn.		*Chẳng sang Tàu cũng tếch sang Tây.* (Trần Tế Xương, *Mai mà tớ hỏng*)	
5	Có sự thay đổi bất ngờ về cách trần thuật hay giọng điệu trần thuật ngay trong một đoạn văn.		*Ông ta khóc quá, muốn lặng đi thì may có Xuân đỡ khỏi ngã. Nó chật vật mãi cũng không làm cho ông đứng hẳn lên được. Dưới cái khăn trắng to tướng, cái áo thụng trắng loè xoè, ông phán cứ oặt người đi, khóc mãi không thôi.* *- Hứt!... Hứt!... Hứt!...* (Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*)	**e**

Đáp án hiển thị: 1-a, 2-c, 3-b, 4-d, 5-e

Bảng 2. Dấu hiệu nhận biết nghịch ngữ

Dấu hiệu		**Nối**	**Ngữ liệu**	
1	Có sự kết hợp dường như phi lí giữa các từ mang nghĩa đối chọi ngay trong một cụm từ.		*Ông hứa thế; **giả thử cứ cho rằng một vị Toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa**, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi liệu quan Toàn quyền Va-ren sẽ "chăm sóc" vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao.* (Nguyễn Ái Quốc, *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*)	**a**

2	Câu có cụm từ mang tính chất của một phụ chú khác thường đối với đối tượng được đề cập trước đó.		*Những việc trắc trở như thế đã làm cho ông già hơn tám mươi tuổi phải **chết một cách bình tĩnh.*** (Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*)	**b**	

Đáp án hiển thị: 1-b, 2-a

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm hoàn thành 2 bảng nối cột

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS các nhóm lần lượt báo cáo kết quả.
- Các nhóm nhận xét, bổ sung hoàn thành bảng.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức.
- Thư kí tiếp tục tổng hợp, báo cáo kết quả điểm vòng 2 của các nhóm.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5 phút)

a. Mục tiêu: HS xác định được biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ và tác dụng của nó.

b. Nội dung: HS tham gia trò chơi **Đường chinh phục đỉnh cao Tiếng Việt (Vòng 3: Nhà vô địch)**.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **GV tiếp tục tổ chức cuộc thi: Đường chinh phục đỉnh cao Tiếng Việt (Vòng 3: Nhà vô địch)**. **GV lưu ý:** Trong thời gian tối đa 10 phút, các nhóm thảo luận, hoàn thành 3 bài tập: Bài tập 1 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 26) Bài tập 2 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 26 – 27) Bài tập 3 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 27). Mỗi ý đúng trong bài được 10 điểm. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm hoàn thành 3 bài tập SGK **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**	**II. Luyện tập** **Bài tập 1** **a. Biện pháp tu từ nói mỉa:** "ở cái nước có hàng triệu con voi". - Phần trước có vẻ được tường thuật nghiêm túc, khách quan, nhưng với cụm từ này, độc giả cảm nhận được rõ sự chế giễu ngầm ẩn, do trọng tâm thông tin đã chuyển từ sự ghi chú thoáng qua (đáng lẽ thế) về một quốc gia, xứ sở thành sự đo đếm một đối tượng khác không mấy liên quan đến nhân vật chính (Triệu Voi như một danh xưng quốc gia bị biến thành cụm từ thể hiện nội dung "tính đếm" nôm na). - Triệu Voi (hay Vạn Tượng) vốn là một biệt danh của nước Lào từng được người Việt quen sử dụng; ở đây, Vũ Trọng Phụng đã mượn nó, đúng hơn là mượn nội dung bao hàm của nó để nói về nước Xiêm. Sự "thiếu chính xác" ở đây

- Đại diện HS các nhóm lần lượt báo cáo kết quả. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt kiến thức. - Thư kí tiếp tục tổng hợp, báo cáo kết quả điểm cả 3 vòng của các nhóm. - GV công bố giải: Nhà vô địch và các giải còn lại, tuyên dương, khen thưởng hoặc ghi điểm cho các nhóm qua 3 vòng chơi.	có thể đã được ý thức, thuộc về sự lựa chọn nhằm thể hiện ý đồ nghệ thuật riêng của tác giả. **b. Biện pháp tu từ nói mỉa:** "ông đã bao công trình mới cấy được từng ấy râu" => Cách miêu tả trịnh trọng một hành động bình thường, tầm thường; cách so sánh mang tính chất hạ thấp hay hạ bệ đối tượng. **Bài tập 2** **a. Biện pháp nghịch ngữ:** "giơ quả đấm chào loài người". **=>** Cụm từ: "quả đấm" gợi ý niệm về bạo lực và sự đối kháng, trong khi hành động "chào" lại biểu thị sự thân thiện, hoà đồng. **b. Biện pháp nghịch ngữ:** "cơm rượu, bò lợn và quan phủ, quan tỉnh hiệp sức với nhau". => "Cơm rượu" và "bò lợn" với "quan phủ, quan tỉnh" là những đối tượng khác biệt nhau về loại và "đẳng cấp", vậy mà bị đánh đồng trong chuỗi liệt kê, từ "hiệp sức" mang hàm ý mỉa mai, khinh miệt. **Bài tập 3** **a. Biện pháp nghịch ngữ:** "ầm ầm mà quạnh hiu". => Ở đây, có sự đối chọi về nghĩa của hai từ chính trong cụm từ. "Ầm ầm" là từ tượng thanh, thường dùng để miêu tả tình trạng âm thanh lớn, mạnh. "Quạnh hiu" diễn tả tình trạng vắng vẻ, thường là tĩnh lặng của một không gian cụ thể. Ghép "ầm ầm" bên "quạnh hiu" để diễn tả một trạng thái chung của đối tượng là việc làm khác thường. **b. Biện pháp nghịch ngữ:** "nhà báo cấp tiến với xã hội và bảo thủ với gia đình". => Ở đây, "cấp tiến" và "bảo thủ" lật tẩy bản chất của đối tượng, buộc độc giả phải tập trung chú ý vào một thông tin lẽ ra là thông tin phụ của câu văn.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ vào các nhiệm vụ trong thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoàn chỉnh của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

Nhiệm vụ về nhà: Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS gửi sản phẩm vào nhóm lớp
- GV phân công nhóm đánh giá chéo dựa vào Rubric.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương sản phẩm tốt hoặc cho điểm HS căn cứ Rubric và hướng dẫn HS chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.	**3.0**
Nội dung	Viết một đoạn văn theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.	
	Giới thiệu được chủ đề của đoạn văn.	**1.0**
	Các câu trong đoạn đều tập trung làm rõ chủ đề.	**2.0**
	Sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.	**2.0**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Tiếng Việt.	**1.0**
Sáng tạo	Thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	**1.0**

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm một số câu văn có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ và phân tích chỉ ra tác dụng.
- Hoàn thành viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn, có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.
- **Chuẩn bị bài:** Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....
.....

VIẾT

Tiết:8,9

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **viết, giúp HS:**

- Nhận biết được những yêu cầu cơ bản của kiểu bài viết nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Chọn được đề tài phù hợp để viết bài.
- Biết cách triển khai bài viết đúng hướng, đạt được mục đích, xác định được các phương diện cần so sánh, lựa chọn và phân tích được những dẫn chứng tiêu biểu, đưa đến những phát hiện mới về các tác phẩm có liên quan (theo những mức độ khác nhau).

2. Phẩm chất: Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Hãy kể tên một số tác phẩm truyện cùng đề tài mà em đã học hoặc đã đọc? - Theo em, vì sao những truyện có cùng đề tài mà vẫn có sức hấp dẫn đối với người đọc, người viết?	*** Một số truyện ngắn cùng đề tài:** **- Đề tài người nông dân:** *Chí Phèo* (Nam Cao), *Lão Hạc* (Nam Cao), *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố), *Vợ nhặt* (Kim Lân),…

Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS suy nghĩ và chia sẻ cá nhân. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời, biểu dương tinh thần tích cực của HS. - GV dẫn vào bài: So sánh hai tác phẩm văn học nhằm làm rõ một quy luật chung nào đó hay để nhìn nhận sâu hơn giá trị của từng tác phẩm là công việc quen thuộc của các nhà nghiên cứu, phê bình văn học. Trong nhà trường phổ thông, điều đó cũng cần được thực hiện ở mức độ phù hợp vì nó có thể giúp chúng ta rèn luyện khả năng liên hệ, kết nối, huy động kiến thức, thiết lập cái nhìn tổng quan khi đi vào khám phá thế giới tác phẩm văn học. Ở bài học này, trước hết, chúng ta sẽ được làm quen với công việc nêu trên qua việc viết một bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.	**- Đề tài chiến tranh:** *Chiếc lược ngà* (Nguyễn Quang Sáng), *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành), *Những đứa con trong gia đình* (Nguyễn Thi), *Mảnh trăng cuối rừng* (Nguyễn Minh Châu), *Những ngôi sao xa xôi* (Lê Minh Khuê), … **- Đề tài người phụ nữ:** *Vợ nhặt* (Kim Lân), *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài),… *** HS chia sẻ suy nghĩ cá nhân về sức hấp dẫn của những truyện có cùng đề tài, có thể là:** - Cùng đề tài nhưng mỗi truyện có những cách nhìn, cách cảm, cách thể hiện, cách giải quyết vấn đề khác nhau. - Cùng đề tài nhưng mỗi truyện gửi gắm những thông điệp riêng, hàm chứa những ý nghĩa riêng của những phong cách không trộn lẫn,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (… phút)

a. Mục tiêu: HS hiểu mục đích, yêu cầu đối với bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 9 HS đọc bài viết tham khảo theo các chỉ dẫn ở bên phải văn bản. - HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau: **1.** Cơ sở của việc lựa chọn so sánh hai tác phẩm *Mảnh trăng cuối rừng* và *Những đứa con trong gia đình* là gì? **2.** Tác giả bài viết đã xác định mục đích so sánh hai tác phẩm như thế nào?	**I. Tìm hiểu chung dạng bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.** **1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo** **- Cơ sở của việc lựa chọn so sánh hai tác phẩm *Mảnh trăng cuối rừng* và *Những đứa con trong gia đình*:** viết về cùng đề tài, tiêu biểu cho những phong cách tiếp cận hiện thực chiến tranh của văn học trong một giai đoạn cụ thể. **- Mục đích so sánh hai tác phẩm:** Sự thống nhất trong cảm hứng sáng tác của các nhà văn cách mạng khi viết về cùng một đề tài, cách họ thể hiện phong cách cá nhân độc đáo – một điều không dễ làm trong bối cảnh cách mạng, mọi sáng tác

3. Các phương diện cơ bản nào của hai tác phẩm đã được đưa ra so sánh? **4.** Đánh giá nào về đặc điểm, giá trị của từng tác phẩm được nảy sinh trên cơ sở so sánh? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - 9 HS nối tiếp nhau đọc văn bản - Thảo luận cặp đôi 4 câu hỏi SGK khoảng 5 phút **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt kiến thức **Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu mục đích và yêu cầu của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV nêu yêu cầu HS: Qua phân tích ví dụ SGK, em hãy cho biết: + Mục đích của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. + Để viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, em cần lưu ý những gì? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, ghi kết quả ra giấy nhớ. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi. - HS nhận xét, bổ sung cho nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	văn học phải mang tính định hướng cao và cần được chuốt nhọn thành "vũ khí". **- Các phương diện cơ bản được đưa ra so sánh:** **+ Điểm tương đồng:** hoàn cảnh sáng tác, soi tỏ những điều bí ẩn kì diệu đã làm nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam trong hoàn cảnh thử thách khốc liệt. **+ Những thông tin về từng tác phẩm:** xuất xứ, bối cảnh câu chuyện, cốt truyện, nhân vật,… **+ Phân tích những điểm tương đồng, điểm riêng biệt.** **- Đánh giá về đặc điểm, giá trị của hai tác phẩm:** *Mảnh trăng cuối rừng* và *Những đứa con trong gia đình* là những sáng tác mang dấu ấn thời đại rõ nét. **2. Mục đích và yêu cầu của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện** **- Mục đích so sánh, đánh giá:** Làm sáng tỏ một giá trị nào đó của từng tác phẩm truyện khi xem xét chúng trong tương quan rộng của lịch sử văn học và đời sống văn hoá. **- Yêu cầu của kiểu bài:** + Nêu được mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. + Trình bày được các thông tin khái quát về hai tác phẩm truyện. + Làm rõ được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm truyện xét trên một số phương diện nội dung và hình thức cụ thể theo mục đích và phạm vi đã xác định. + Rút ra được những nhận xét, đánh giá cần thiết, phù hợp về hai tác phẩm truyện căn cứ vào kết quả so sánh. + Nêu được ý nghĩa của việc đánh giá hai tác phẩm truyện thông qua việc so sánh.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5 phút)

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- HS thực hành các bước để viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.
c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.
d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu vấn đề: Các em thực hiện nhiệm vụ theo bàn: đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau:

<table>
<tr><th>Các bước</th><th colspan="3">Nội dung</th></tr>
<tr><td>Chuẩn bị viết</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td rowspan="4">Tìm ý, lập dàn ý</td><td>Tìm ý</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td rowspan="3">Lập dàn ý</td><td>MB</td><td></td></tr>
<tr><td>TB</td><td></td></tr>
<tr><td>KB</td><td></td></tr>
<tr><td>Viết</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện</td><td colspan="3"></td></tr>
</table>

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ câu trả lời.
- HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu vấn đề: Các em viết bài văn hoàn chỉnh

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

</td><td>

II. Thực hành viết

Cho đề bài sau: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Vợ nhặt* của Kim Lân và *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài

1. Các bước thực hành viết

<table>
<tr><th>Các bước</th><th colspan="2">Nội dung</th></tr>
<tr><td>Chuẩn bị viết</td><td colspan="2">- Chọn đối tượng so sánh: truyện Vợ nhặt của Kim Lân và Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài.
- Suy nghĩ, tìm kiếm các tài liệu có liên quan đến hai tác phẩm, ghi chép những thông tin cần thiết.
- Xác định rõ mục đích so sánh của bài viết: Làm sáng tỏ một giá trị nào đó của từng tác phẩm truyện khi xem xét chúng trong tương quan rộng của lịch sử văn học và đời sống văn hoá.
- Xác lập cơ sở so sánh: Hai tác phẩm phải là những “mẫu” tiêu biểu, cho phép việc so sánh đạt được kết quả cần thiết; hai tác phẩm có những điểm khiến người đọc dễ liên hệ chúng với nhau.
- Bài viết có thể ưu tiên nhấn mạnh sự tương đồng hoặc chỉ tập trung nói về sự khác biệt giữa hai tác phẩm</td></tr>
<tr><td>Tìm ý, lập dàn ý</td><td>Tìm ý</td><td>Trả lời câu hỏi:
- Vì sao khi đọc truyện này độc giả thường liên hệ đến truyện kia? (Xác lập cơ sở để so sánh hai tác phẩm truyện với nhau, giúp người viết có thể mở bài một cách thuận lợi.)
- Sự tương đồng giữa hai truyện thể hiện trên những phương diện chủ yếu nào? (Lựa chọn các phương diện chủ yếu cần so sánh ở hai tác phẩm.)</td></tr>
</table>

</td></tr>
</table>

- HS đọc bài viết trước lớp - HS khác bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, đánh giá bài viết theo rubric.				- Điều gì dẫn đến sự "gặp gỡ" đó giữa hai tác phẩm truyện? (Vừa đi sâu cắt nghĩa nguyên nhân của sự tương đồng, vừa tạo được sự gắn kết giữa các đoạn viết về từng tác phẩm.) - Dù có những điểm tương đồng, sự khác biệt giữa hai truyện vẫn thể hiện rõ. Sự khác biệt đó là gì? (Tìm ra nét độc đáo của từng tác phẩm.) - Việc so sánh đưa lại được những khám phá mới nào về từng tác phẩm? (Ý nghĩa của việc so sánh hai tác phẩm truyện với nhau.)
		Lập dàn ý	MB	Giới thiệu hai tác phẩm truyện được xác định là đối tượng của sự so sánh, đánh giá; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này.
			TB	**Luận điểm 1.** Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... **Luận điểm 2.** Những điểm tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy **Luận điểm 3.** Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.
			KB	Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện khi đặt chúng trong tương quan so sánh.

	Viết	- Để làm sáng tỏ các luận điểm, cần chú ý khai thác bằng chứng từ những phương diện khác nhau của hai tác phẩm truyện, bao gồm: đề tài, chủ đề, cảm hứng, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu,... - Khi trích dẫn văn bản truyện hay một bài phê bình, đánh giá nào đó về truyện, cần đảm bảo yêu cầu chính xác, khách quan. - Tránh biến bài viết thành một văn bản mang tính chất lắp ghép máy móc, gồm hai "bài" nhỏ phân tích từng tác phẩm riêng biệt. - Thường xuyên chú ý mạch lạc, liên kết của bài viết và thực hiện việc ngắt đoạn phù hợp để người đọc dễ theo dõi hệ thống luận điểm.
	Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện	Đọc và kiểm tra lại các nội dung: - Đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để thực hiện những chỉnh sửa cần thiết nhằm hoàn thiện văn bản về mặt nội dung. - Rà soát, khắc phục những lỗi về chính tả, diễn đạt và trình bày để bài viết đáp ứng được những đòi hỏi về chuẩn mực hình thức
	2. Thực hành viết Sản phẩm: Bài viết của HS	

Phụ lục 1: RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp. Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra.

		Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao.	Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo.
Điểm	**0 – 4 điểm**	**5 – 7 điểm**	**8 – 10 điểm**
TỔNG	**10**		

Phụ lục 2:
DÀN Ý THAM KHẢO

Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Vợ nhặt* của Kim Lân và *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài

I. Mở bài

Giới thiệu hai tác phẩm truyện được xác định là đối tượng của sự so sánh, đánh giá; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này.

"Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả…Nếu anh không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ" (Sê khốp). Có lẽ với *Vợ chồng A Phủ* và *Vợ nhặt* thì Tô Hoài và Kim Lân đã chứng minh được họ là những nhà văn thực thụ. Bằng cách tiếp cận, cách cảm nhận số phận, vẻ đẹp con người và những phương thức nghệ thuật trong một thời đại chung mà không thể trộn lẫn, hai nhà văn đã góp vào nền văn học hiện đại Việt Nam những giọng điệu riêng, những lối đi riêng. Để rồi từ đó độc giả được đắm mình trong thế giới văn chương lấp lánh những sắc màu.

II. Thân bài

1. Luận điểm 1. Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,...

a. Đôi nét về tác giả:

- Tô Hoài là cây đại thụ lớn của nền văn học hiện đại Việt Nam với một sự nghiệp văn chương đạt kỉ lục về số lượng tác phẩm; phong phú, hấp dẫn về nội dung; đặc sắc về nghệ thuật.
- Kim Lân - người *"một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy nông thôn"* (theo Nguyên Hồng).

b. Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,...

- Hoàn cảnh ra đời:

+ *Vợ chồng A Phủ* Tô Hoài sáng tác trong chuyến đi thực tế lên Tây Bắc.

+ *Vợ nhặt* Kim Lân viết trước Cách mạng tháng Tám nhưng hoàn thành sau Cách mạng.

- Đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật:

+ *Vợ chồng A Phủ* xoay quanh cuộc đời của Mị và A Phủ. Do điều kiện bi thảm khác nhau mà một người trở thành con dâu gạt nợ, một người là kẻ làm thuê gạt nợ cho nhà thống lí Pá Tra. Dẫu vậy, Mị vẫn mang sức sống tiềm tàng trong đêm xuân và sức mạnh phản kháng mãnh liệt trong đêm đông. Và cuối cùng, Mị đã cắt dây trói cứu A Phủ và cùng A Phủ chạy trốn tới Phiềng Sa.

+ *Vợ nhặt* xoay quanh câu chuyện anh cu Tràng nhặt được vợ trong hoàn cảnh đói quay quắt. Bà cụ Tứ, người mẹ nghèo nhân hậu đã đón nhận mối duyên con. Hạnh phúc của họ bị bủa vây bởi cái đói, cái chết và cả tiếng trống thúc thuế của thực dân, phát xít. Dẫu vậy, họ vẫn tràn đầy niềm hi vọng vào tương lai.

- Vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học:
+ *Vợ chồng A Phủ* là một truyện ngắn xuất sắc trong đời văn Tô Hoài nói riêng và văn học hiện đại Việt Nam nói chung.
+ Có ý kiến cho rằng nếu chọn ra 10 cây bút tiêu biểu nhất của văn học hiện đại Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám thì không có ông nhưng nếu chọn ra 10 truyện ngắn hay nhất thì Kim Lân có đến 2 tác phẩm là *"Làng"* và *"Vợ nhặt"*. Trong đó, *"Vợ nhặt"* là một câu chuyện đầy ám ảnh.
2. Luận điểm 2. Những điểm tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy
a. Những điểm tương đồng: Hai tác phẩm trên là những sáng tác tiêu biểu của hai nhà văn, đều viết về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của người lao động
b. Những điểm khác biệt giữa hai tác phẩm truyện:
*** Khác biệt trong tiếp cận số phận con người:**
- Truyện *Vợ chồng A Phủ* phản ánh số phận đau khổ, tủi nhục của những người dân lao động dưới ách thống trị của cường quyền và thần quyền ở vùng miền núi Tây Bắc. Chứng minh qua cuộc đời nhân vật Mị và A Phủ:
+ Nhân vật Mị:
++ Thân phận con dâu gạt nợ nhưng thực chất, Mị chỉ như kẻ ở cho nhà thống lí Pá Tra.
++ Bị bóc lột tàn tệ: làm việc quần quật, con trâu con ngựa làm còn có lúc nghỉ ngơi nhưng Mị thì không, trong đêm tình mùa xuân khi sức sống trỗi dậy lại ngay lập tức bị A Sử dập tắt, bắt trói vào cột,…
++ Mị từ một cô gái trẻ trung, yêu đời trở thành "con rùa lùi lũi trong xó cửa", tê liệt cả khả năng phán kháng...
+ Nhân vật A Phủ:
++ Chịu đau khổ, bất hạnh: mồ côi cha mẹ, bị đem bán đổi thóc, lưu lạc ở Hồng Ngài rồi vì dám đứng lên bảo vệ công bằng, lẽ phải mà bị đánh đập, phạt vạ, trở thành kẻ ở cho nhà thống lí.
++ Kiếp nô lệ bị bóc lột, chà đạp: bị phạt vạ vô lí, làm việc quần quật mấy năm không hết nợ, đánh mất bò nên bị trói đến chết (tính mạng rẻ mạt)…
- Truyện *Vợ nhặt* phản ánh số phận khốn khổ, rẻ mạt của con người giữa thời đói khát quay quắt:
+ Cảnh người chết đói tràn ngập khắp xóm ngụ cư: Người chết như ngả rạ, người sống thì "vật vờ như những bóng ma",...
+ Số phận con người được tô đậm qua nhiều nhân vật cụ thể:
++ Tràng: xấu, nghèo, dân ngụ cư, ế vợ.
++ Người vợ nhặt: quần áo rách tả tơi, mặt xám xịt, chỉ thấy hai con mắt; nghèo đói khiến thị trở nên cong cớn, chỏng lỏn, chấp nhận theo không Tràng về làm vợ cốt để có miếng ăn.
++ Bà cụ Tứ: cái nghèo khổ in dấu trong dáng hình "lọng khọng", "vừa đi vừa lẩm bẩm tính toán gì đấy" đầy ám ảnh.
*** Khác biệt trong cách cảm nhận vẻ đẹp con người:**
- Trong *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài đã tập trung miêu tả sức sống mãnh liệt, khát vọng tự do cháy bỏng và khả năng cách mạng ở những con người nghèo khổ:
+ Nhân vật Mị:

++ Là một người con gái xinh đẹp, có tài thổi sáo, tâm hồn trong sáng, yêu đời. Mị rất hiếu thảo: vì thương bố Mị chấp nhận làm con dâu gạt nợ, sống cuộc đời tăm tối, tủi nhục.
++ Có sức sống tiềm tàng mãnh liệt (chú ý phân tích diễn biến tâm trạng Mị trong đêm tình mùa xuân)**:** Không khí ngày xuân ở Hồng Ngài, tiếng sáo gọi bạn tình và nhất là hơi rượu đã làm thức dậy tâm hồn Mị. Từ một kẻ lầm lũi, tê liệt khả năng phản kháng, Mị bỗng sống dậy ý thức về thân phận, thấy đau khổ và nghĩ đến cái chết. Rồi Mị lại muốn làm đẹp, muốn đi chơi, muốn được sống như ngày còn trẻ, còn được tự do,...
++ Là một cô gái giàu tình thương, có khát vọng sống mãnh liệt và có khả năng cách mạng (chú ý phân tích diễn biến tâm trạng và hành động của Mị trong đêm mùa đông ở Hồng Ngài): Cảnh đêm đông cắt da thịt, chỉ có bếp lửa làm bạn, cho dù bị A Sử đánh ngã ngay cửa bếp Mị vẫn dậy "chỉ biết chỉ ở với ngọn lửa", thế rồi "một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại của A Phủ" khi bị trói đợi chết đã đánh thức dậy lần nữa ở Mị nỗi thương thân, thương người, khiến Mị quyết định táo bạo, dữ dội, mãnh liệt, đầy tinh thần phản kháng:
+++ Mị cắt dây trói cứu A Phủ chính là tự giải thoát bản thân mình.
+++ Vùng chạy theo A Phủ rồi sau hai người đã đến với cách mạng.
+ Nhân vật A Phủ:
++ Là một chàng trai khỏe khoắn, chăm lao động, tính tình cương trực: Ai lấy được A Phủ "như có một con trâu tốt trong nhà", dám chống lại những bất công ngang trái,...
++ Là người tình nghĩa, có tình yêu tự do và tinh thần cách mạng:
+++ Khi Mị cởi trói, A Phủ khuỵu xuống, không bước được rồi ngay sau đó đã "quật sức vùng lên chạy" thoát khỏi gông cùm, xiềng xích.
+++ Khi Mị nói "A Phủ cho tôi đi", A Phủ đã không bỏ lại người đàn bà khốn khổ ấy.
+++ Tìm đến cách mạng, trở thành cán bộ giỏi.
- Trong *Vợ nhặt*, Kim Lân đã cho thấy:
+ Dù bị đẩy vào hoàn cảnh nghèo đói khốn cùng, con người vẫn yêu thương, đùm bọc nhau:
++ Tràng nhặt vợ về cưu mang.
++ Bà cụ Tứ sẵn sàng chấp nhận người con dâu với tất cả tình thương của một người mẹ đã trải đời.
++ Người vợ nhặt sẵn sàng theo không Tràng mong qua cảnh đói nghèo nhưng khi ăn miếng cháo cám "nghẹn bứ trong cổ họng" vẫn điềm nhiên và vào miệng, nghĩa là đã cảm thông, thấu hiểu và sẵn sàng chia sẻ sự nghèo khó với mẹ con Tràng.
+ Dù bị đẩy vào hoàn cảnh nghèo đói khốn cùng, con người vẫn khao khát hạnh phúc, tin tưởng vào tương lai tươi sáng:
++ Người dân ngụ cư vui khi Tràng có vợ.
+ + Tràng tủm tỉm cười, hôm sau xúc động trước cảnh nhà cửa sân vườn được quét dọn sạch sẽ...
+ + Người vợ nhặt trở thành người phụ nữ dịu dàng, nữ tính, chu đáo.
++ Bà cụ Tứ dặn dò, chỉ bảo các con, toàn nghĩ đến chuyện tương lai "ai giàu ba họ, ai khó ba đời",...

+ + Hình ảnh đoàn người đói đi trên đê Sộp và lá cờ Việt Minh dự báo về một cuộc đổi đời.

*** Khác biệt trong việc sử dụng hình thức nghệ thuật:**

- Trong *Vợ chồng A Phủ:*

+ Giọng kể của nhà văn nhập vào dòng tâm tư nhân vật, làm nổi lên ý nghĩ, tâm trạng và cả những trạng thái chập chờn của tiềm thức nhân vật.

+ Cách kể: Xây dựng lối trần thuật linh hoạt với sự dịch chuyển của điểm nhìn trần thuật (khi đặt bên ngoài để quan sát khách quan, khi đặt bên trong để thể hiện thấm thía những suy nghĩ, tình cảm trong lòng nhân vật).

+ Ngôn ngữ: Đậm chất miền núi, giàu chất thơ.

+ Sáng tạo nhiều chi tiết đặc sắc: căn buồng của Mị, tiếng sáo, giọt nước mắt A Phủ,...

+ Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tài tình, sâu sắc,..

- Trong *Vợ nhặt*:

+ Xây dựng tình huống truyện độc đáo, tự nhiên.

+ Bút pháp phân tích tâm lí nhân vật tinh tế, sâu sắc.

+ Nghệ thuật đối thoại, độc thoại nội tâm làm nổi rõ tâm lí của từng nhân vật.

+ Ngôn ngữ kể chuyện phong phú, cách kể chuyện gần gũi, tự nhiên.

+ Kết cấu truyện đặc sắc,...

c. Điều kiện làm nên sự khác biệt ấy:

- Giống nhau:

+ Lấy bối cảnh những năm 1945 – 1954.

+ Phản ánh số phận bi thảm đồng thời cũng khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của người lao động.

+ Tố cáo xã hội thực dân phong kiến chà đạp, đẩy con người vào đau khổ.

+ Thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc: trân trọng vẻ đẹp tâm hồn, khát vọng chính đáng của con người, có niềm tin vào sự đổi đời của con người.

+ Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật rất tài tình, tinh tế.

- Khác nhau:

+ *Vợ chồng A Phủ* tập trung phản ánh:

++ Số phận: người lao động bị áp bức, bóc lột.

++ Vẻ đẹp: sức sống mãnh liệt, khát vọng tự do.

+ *Vợ nhặt* tập trung phản ánh:

++ Số phận: rẻ rúng vì đói nghèo.

++ Vẻ đẹp: khát vọng sống, ước mơ hạnh phúc.

3. Luận điểm 3. Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm

Cả hai tác phẩm đều là nơi các nhà văn gửi gắm tấm lòng tha thiết với đời. Đến với *Vợ chồng A Phủ* và *Vợ nhặt* chúng ta nhận ra những tấm lòng nhân đạo cao cả, những đôi mắt đau đáu hướng về cuộc đời, những ngòi bút đầy thao thiết vẽ lên những số phận, những vẻ đẹp lương tâm chói ngời. Thế nhưng mỗi tác phẩm lại đánh thức trong ta những rung cảm, những xúc động, những suy tư khác nhau. Cùng là đau khổ đó nhưng có khi ta đón nhận bằng tiếng cười đầy nước mắt khi tưởng tượng cảnh anh Tràng ngờ nghệch dẫn "vợ nhặt" về xóm ngụ cư; có khi ta xót thương đến quay quắt ám ảnh cảnh ngộ của cô Mị trong hình ảnh "lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa" nhà thống lí Pá Tra,... Cùng là vẻ đẹp tâm hồn, có lúc ta ngưỡng mộ mãnh

liệt trước sức sống tiềm tàng, trước sự phản kháng dữ dội của Mị và A Phủ; khi ta cảm phục tấm lòng bà cụ Tứ trong đói khát, chết chóc vây quanh luôn chắt chiu những niềm vui giản dị, hướng các con đến tương lai,...Đó là tài năng, đó cũng chính là tâm huyết của Tô Hoài và Kim Lân, khẳng định: "Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy" (T.Sêkhốp), "Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, vì vậy, nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nôi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong các tác phẩm của mình".

III. Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện khi đặt chúng trong tương quan so sánh.

Vợ chồng A Phủ và *Vợ nhặt* có thể xem như những phát minh về hình thức, những khám phá về nôi dung. Để rồi, mỗi khi lật mở từng trang sách ấy, người đọc lại được trải nghiệm những số phận khác nhau, được chiêm ngưỡng những vẻ đẹp tâm hồn khác nhau, được thưởng thức những thú vị nghệ thuật khác nhau,… Mỗi tác phẩm đã thực sự chọn những cách neo đậu rất riêng trong tâm hồn bạn đọc.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sưu tầm và lập bảng thống kê các tác phẩm cùng đề tài, cùng chủ đề, tự chọn viết 01 đề bài hoàn chỉnh so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

c. Sản phẩm: Bảng thống kê các tác phẩm cùng đề tài, cùng chủ đề và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

NV1: Sưu tầm và lập bảng thống kê các tác phẩm cùng đề tài, cùng chủ đề.

NV2: Tự chọn viết 01 đề bài hoàn chỉnh so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

- Gửi bài cho CLB Truyền thông nhà trường hoặc trang facebook cá nhân.
- Căn cứ đánh giá: Bài được chọn đăng và có số lượt chia sẻ, like nhiều nhất trong tuần đầu tiên.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, tổng kết trao giải trong bài học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....
.....
.....

NÓI VÀ NGHE

Tiết:10,11

TRÌNH BÀY KẾT QUẢ SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- Biết sử dụng kết quả bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện đã thực hiện trước đó để xây dựng nội dung bài thuyết trình.
- Biết thuyết trình về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện một cách thuyết phục (riêng ở phương diện nội dung, phải giúp người nghe hiểu thêm về các tác phẩm truyện được đề cập, nhận ra ý nghĩa của việc so sánh và nắm được các nguyên tắc, thao tác so sánh cần tuân thủ, vận dụng).

Nghe

- Biết học hỏi từ người thuyết trình những kinh nghiệm bổ ích trong việc xác định mục đích so sánh; chọn đối tượng để so sánh; chọn phương diện cần tập trung so sánh; chọn dẫn chứng tiêu biểu, sáng rõ để làm sáng tỏ các luận điểm so sánh, đánh giá; kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ;…

2. Phẩm chất: Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá…

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Xem video ngắn sau và trả lời các câu hỏi: **https://www.youtube.com/watch?v=5wsS8fA8PFk** (8:50 – 10:10) **https://www.youtube.com/watch?v=ffDo69ipOv0** (5:30 – 6:00) - Em cho biết tác phẩm nghệ thuật nào đã được chuyển thể thành phim trong 2 video? - Em hãy kể lại vắn tắt tình huống xảy ra trong 2 video trên? - Em thấy 2 clip giống và khác nhau như thế nào? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới. Mỗi người nghệ sĩ là một tiểu vũ trụ, tác phẩm văn học là sự phản ánh tiểu vũ trụ ấy. Vì vậy, không có những tác phẩm "song sinh" dù tâm hồn anh cùng đồng điệu, tri kỷ với tâm hồn tôi . Mặt khác, người đọc tìm đến với văn học để đắm mình trong vẻ đẹp của sự sáng tạo. Thế nên, dù cùng đề tài, mỗi tác phẩm lại có tiếng nói riêng. Cô trò chúng ta sẽ đến với bài học ngày hôm nay để các em được thuyết trình về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện một cách thuyết phục.	- Tác phẩm nghệ thuật đã được chuyển thể thành phim trong 2 video: *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố), *Lão Hạc* (Nam Cao). - Tình huống: + Chị Dậu quyết định bán con do quá khốn khổ. + Lão Hạc quyết định bán chó vì lâm vào tình thế túng quẫn. - So sánh: Tình thế khốn cùng của những người nông dân trước Cách mạng ở những hoàn cảnh khác nhau (Chị Dậu chồng đau ốm, nhà nghèo lại bị thúc thuế, Lão Hạc nghèo khổ, muốn giữ lại cho con trai chút vốn), ép họ phải làm những điều đau xót (chị Dậu bán con, Lão Hạc bán chó),...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(…phút)

a. Mục tiêu: HS xác định được yêu cầu và các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I . CHUẨN BỊ NÓI ***Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**	**I . CHUẨN BỊ NÓI** **1. Yêu cầu của kiểu bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện**

GV nêu yêu cầu:
Để thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, cần lưu ý điều gì? (Đọc mục Yêu cầu SGK tr.34)

Bước 2 +3: Thực hiện, báo cáo nhiệm vụ

HS đọc SGK, thảo luận cặp đôi 2 phút và báo cáo

HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức.

***Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Tuỳ tình hình lớp học, GV chia lớp thành nhiều nhóm (mỗi nhóm 4 – 6 HS).

GV yêu cầu:

- Các nhóm chọn sử dụng kết quả của bài thực hành viết.
- Tìm ý và sắp xếp ý theo bảng:

Vấn đề cần tìm hiểu	Câu trả lời
Tên truyện được so sánh	
Những thông tin chung về 2 tác phẩm	
Cơ sở so sánh 2 tác phẩm	
Những điểm giống nhau của 2 tác phẩm	
Những điểm khác nhau của 2 tác phẩm	
Đánh giá chung	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK, tài liệu tham khảo và thảo luận nhóm, hoàn thiện bảng kiến thức trên giấy A0 hoặc word hoặc PP

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm HS treo bảng kiến thức lên trên bảng hoặc gửi vào zalo nhóm lớp/ padlet
- GV yêu cầu 1 – 2 nhóm trình bày dàn ý đã xây dựng, chỉnh sửa, các nhóm khác góp ý, bổ sung.
- GV yêu cầu thực hành luyện nói trong nhóm, góp ý cho nhau trước khoảng 5 phút.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Để so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, cần lưu ý:

- Nêu tên hai tác phẩm truyện được đưa ra để so sánh, đánh giá và nói rõ lí do chọn hai tác phẩm này.
- Xác định rõ cơ sở so sánh và phạm vi các phương diện cần so sánh ở hai tác phẩm truyện. Nêu cách thức đã thực hiện khi so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Trình bày một số kết quả so sánh, đánh giá nổi bật (có phân tích các dẫn chứng tiêu biểu). - Khái quát được ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

2. Chuẩn bị các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

a. Lựa chọn đề tài

Sử dụng bài thực hành viết từ tiết trước:

Đề bài: Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Vợ nhặt* (Kim Lân) và truyện *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài).

b. Tìm ý và sắp xếp ý

Vấn đề cần tìm hiểu	Câu trả lời
Tên truyện được so sánh	
Những thông tin chung về 2 tác phẩm	
Cơ sở so sánh 2 tác phẩm	
Những điểm giống nhau của 2 tác phẩm	
Những điểm khác nhau của 2 tác phẩm	
Đánh giá chung	

GV nhận xét phần làm việc các nhóm, chốt kiến thức.	

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5 phút)

a. Mục tiêu: HS trình bày được bài thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện; biết lắng nghe và trao đổi.

b. Nội dung: HS trình bày bài nói đã chuẩn bị ở bài viết và nhận xét, trao đổi về bài nói.

c. Sản phẩm: Bài trình bày của học sinh và nhận xét, trao đổi về bài nói.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lưu ý HS các bước chuẩn bị để có bài thuyết trình tốt, lưu ý HS tận dụng các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo sức hấp dẫn và thuyết phục. - HS trình bày bài nói, mỗi HS từ 5 – 7 phút. - HS còn lại lắng nghe, ghi chép vào vở, nhận xét về bài nói trên các tiêu chí trong phiếu nhận xét:	**II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ** **1. Thực hành nói** Tham khảo bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Vợ nhặt* và *Vợ chồng A Phủ.* (bên dưới) **2. Trao đổi, đánh giá** **a. Trao đổi**

PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI

STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?	
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?	

Người nói	Người nghe
Làm rõ những điều người nghe muốn biết thêm về tác phẩm.	Bày tỏ sự quan tâm về tác phẩm được giới thiệu. Nêu những điều muốn biết thêm về tác phẩm.
Bảo vệ hoặc điều chỉnh những đánh giá về tác phẩm qua đối thoại với người nghe.	Bổ sung hoặc đính chính thông tin về tác phẩm căn cứ vào thực tế giới thiệu của người nói.
Thể hiện thái độ tiếp thu các góp ý một cách nghiêm túc, chân thành.	Trình bày cách nhìn nhận khác về tác phẩm trên tinh thần đối thoại tích cực.

b. Đánh giá

PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI

STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?	

PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI		
STT	**Tiêu chí**	**Nhận xét**
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?	
2	Có tích cực ghi chép không?	
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?	
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS kiểm tra, rà soát lại bài nói khoảng 2 phút

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 HS lên trình bày
- HS khác thực hiện nhiệm vụ nghe, ghi chép, trao đổi và hoàn thành phiếu

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét quá trình làm việc nhóm, bài nói và nghe của HS bằng phiếu học tập.

3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?	

PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI		
STT	**Tiêu chí**	**Nhận xét**
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?	
2	Có tích cực ghi chép không?	
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?	
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?	

Tham khảo bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Vợ nhặt* và *Vợ chồng A Phủ*

Xin chào các bạn!

Truyện ngắn là thể loại hết sức thú vị mà ở đó, mỗi nhà văn như đã thu cả cuộc sống bộn bề vào những trang văn. Kim Lân và Tô Hoài đều là những cây bút tài năng trong nền văn học hiện đại Việt Nam. Tuy cùng viết về người nông dân trước Cách mạng tháng tám nhưng với *Vợ nhặt* và *Vợ chồng A Phủ*, mỗi nhà văn lại có cách khai thác khác nhau, tạo nên những áng văn với sức hấp dẫn khác nhau.

Trong nền văn học hiện đại Việt Nam, Tô Hoài được xem là cây đại thụ lớn với số lượng tác phẩm đạt mức kỉ lục; nội dung phong phú, hấp dẫn và nghệ thuật độc đáo. Trong khi đó, Kim Lân được xem là người "một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy nông thôn" (theo Nguyên Hồng nhận xét), tuy số lượng sáng tác không nhiều nhưng tác phẩm nào cũng đặc sắc. Nhắc đến Tô Hoài, người ta không thể không nhắc tới *Vợ chồng A Phủ*; mà đã nói tới Kim Lân, ta lại không thể quên *Vợ nhặt*. Mỗi tác phẩm có một "tờ giấy khai sinh" rất đặc biệt: *Vợ chồng A Phủ* ra đời trong chuyến đi thực tế lên Tây Bắc của Tô Hoài, còn *Vợ nhặt* được Kim Lân viết trước Cách mạng nhưng lại hoàn thành sau Cách mạng.

Với *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài xây dựng lên hai nhân vật: Mị và A Phủ. Do điều kiện bi thảm khác nhau mà một người trở thành con dâu gạt nợ, một người là kẻ làm thuê gạt nợ cho nhà thống lí. Dẫu vậy, A Phủ vẫn mạnh mẽ sống với lẽ sống tự do, phóng khoáng, còn Mị mang sức sống tiềm tàng trong đêm xuân và sức mạnh phản kháng mãnh liệt trong đêm đông. Và cuối cùng Mị đã cắt dây trói cứu A Phủ và cùng A Phủ chạy trốn tới Phiềng Sa. *Vợ chồng A Phủ* được xem là truyện ngắn xuất sắc bậc nhất trong đời văn Tô Hoài nói riêng và văn học hiện đại của ta nói chung.

Cũng viết về người nông dân trước Cách mạng, nhưng *Vợ nhặt* lại xoay quanh câu chuyện anh cu Tràng nhặt được vợ trong hoàn cảnh đói quay quắt. Bà cụ Tứ, người mẹ nghèo nhân hậu đã đón nhận mối duyên con. Hạnh phúc của họ bị bủa vây bởi cái đói, cái chết và cả tiếng trống thúc thuế của bọn thực dân, phát xít. Dẫu vậy, họ vẫn tràn đầy niềm hi vọng vào tương lai. *Vợ nhặt* thực sự là một câu chuyện đầy ám ảnh. Thế nên, người ta vẫn cho rằng: nếu chọn ra 10 truyện ngắn hay nhất nền văn học hiện đại Việt Nam thì trong đó chắc chắn có *Vợ nhặt* của Kim Lân.

Hai tác phẩm trên là những sáng tác tiêu biểu của hai nhà văn, đều viết về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân trước Cách mạng tháng tám. Tuy vậy mỗi tác phẩm lại mang vẻ đẹp riêng.

Trước hết là trong cách tiếp cận số phận con người, Tô Hoài và Kim Lân đã chọn những lối đi không trùng lặp. Trong *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài phản ánh số phận đau khổ, tủi nhục của những người dân lao động dưới ách thống trị của cường quyền và thần quyền ở vùng miền núi Tây Bắc. Nhân vật Mị mang thân phận con dâu gạt nợ nhưng thực chất, Mị chỉ như kẻ ở cho nhà thống lí Pá Tra. Mị bị bóc lột tàn tệ: làm việc quần quật, con trâu con ngựa làm còn có lúc nghỉ ngơi nhưng Mị thì không, trong đêm tình mùa xuân khi sức sống trỗi dậy ngay lập tức bị A Sử dập tắt, bắt trói vào cột… Bị đọa đày trong nhà thống lí, Mị từ một cô gái trẻ trung, yêu đời trở thành "con rùa lùi lũi trong xó cửa", tê liệt cả khả năng phán kháng... Còn nhân vật A Phủ mồ côi cha mẹ, bị đem bán đổi thóc, lưu lạc ở Hồng Ngài rồi vì dám đứng lên bảo vệ công bằng, lẽ phải mà bị đánh đập, phạt vạ, trở thành kẻ ở cho nhà thống lí. A Phủ phải sống kiếp nô lệ bị bóc lột, chà đạp, bị phạt vạ vô lí, làm việc quần quật mấy năm không hết nợ, đánh mất bò nên bị trói đến chết (tính mạng rẻ mạt),…Còn với *Vợ nhặt*, Kim Lân lại phản ánh số phận khốn khổ, rẻ mạt của con người giữa thời đói khát quắt quay. Ông mô tả cảnh chết đói vô cùng khủng khiếp: Người chết như ngả rạ, người sống thì "vật vờ như những bóng ma",... Đặc biệt trong cảnh cùng cực ấy, số phận con người được tô đậm qua nhiều nhân vật. Tràng là chàng trai xấu xí, nghèo, dân ngụ cư, lại còn ế vợ. Người vợ nhặt hiện lên với quần áo rách tả tơi, khuôn mặt lưỡi cày chỉ còn thấy hai con mắt, nghèo đói mà trở nên cong cớn, chỏng lỏn, chấp nhận theo không Tràng về làm vợ cốt để có miếng ăn. Còn bà cụ Tứ thì cái nghèo khổ in dấu cả trong dáng hình "lọng khọng", vừa đi vừa lẩm bẩm tính toán gì đó đầy ám ảnh.

Như vậy cách tiếp cận khác nhau khi miêu tả số phận con người ở các nhà văn đã giúp người đọc trải nghiệm nhiều cuộc đời hơn, dễ dàng thấu cảm, sẻ chia với số phận đau thương của con người.

Sự khác biệt rõ nét giữa *Vợ chồng A Phủ* và *Vợ nhặt* còn là trong cách cảm nhận vẻ đẹp con người của Tô Hoài và Kim Lân. Trong *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài đã tập trung miêu tả sức sống mãnh liệt, khát vọng tự do cháy bỏng và khả năng cách mạng ở những con người nghèo khổ. Điều này thể hiện rõ nét nhất ở nhân vật Mị. Mị vốn là một người con gái xinh đẹp, có tài thổi sáo, tâm hồn trong sáng, yêu đời. Mị vì

thương bố mà chấp nhận làm con dâu gạt nợ, sống cuộc đời tăm tối, tủi nhục. Đặc biệt, sự khốn cùng nơi nhà thống lí không diệt được sức sống tiềm tàng mãnh liệt trong Mị. Trong đêm xuân, không khí tươi vui rộn ràng, tiếng sáo gọi bạn tình tha thiết và nhất là hơi rượu đã làm thức dậy tâm hồn Mị. Từ một kẻ lầm lũi, tê liệt khả năng phản kháng, Mị bỗng sống dậy ý thức về thân phận, thấy đau khổ và nghĩ đến cái chết. Rồi Mị lại muốn làm đẹp, muốn đi chơi, muốn được sống như ngày còn trẻ, còn được tự do... Sức sống tiềm tàng này chính là nguồn cội cho khát vọng sống mãnh liệt và khả năng cách mạng bùng lên trong đêm đông. Chính bởi vậy, Mị đã cắt dây trói cứu A Phủ, cũng chính là tự giải thoát bản thân mình. Rồi sau đó, Mị vùng chạy theo A Phủ rồi sau hai người đã đến với cách mạng. Song song với Mị, nhân vật A Phủ được khắc họa là một chàng trai khỏe khoắn, chăm lao động, tính tình cương trực: Ai lấy được A Phủ "như có một con trâu tốt trong nhà", dám chống lại những bất công ngang trái,... A Phủ cũng là người tình nghĩa và có tình yêu tự do và tinh thần cách mạng: khi Mị cởi trói, A Phủ khuỵu xuống, không bước được rồi ngay sau đó đã "quật sức vùng lên chạy" thoát khỏi gông cùm, xiềng xích. Đến khi Mị nói "A Phủ cho tôi đi", thì A Phủ đã không bỏ lại người đàn bà khốn khổ ấy. Và cuối cùng, họ tìm đến cách mạng, trở thành cán bộ giỏi. Khi đến với *Vợ nhặt*, Kim Lân lại cho thấy những con người dù hoàn cảnh nghèo đói khốn cùng nhưng vẫn yêu thương, đùm bọc nhau. Đó là câu chuyện Tràng nhặt vợ về cưu mang. Đó là tình tiết bà cụ Tứ sẵn sàng chấp nhận người con dâu với tất cả tình thương của một người mẹ đã trải đời. Còn người vợ nhặt sẵn sàng theo không Tràng mong qua cảnh đói nghèo nhưng khi ăn miếng cháo cám "nghẹn bứ trong cổ họng" vẫn điềm nhiên và vào miệng, nghĩa là đã cảm thông, thấu hiểu và sẵn sàng chia sẻ sự nghèo khó với mẹ con Tràng. Đặc biệt cái đói, cái nghèo, cái chết không vùi dập được những khao khát hạnh phúc và niềm tin tưởng vào tương lai tươi sáng. Nó có thể mong manh như niềm vui của người dân ngụ cư khi Tràng có vợ. Nó có thể kín đáo và dịu dàng khi Tràng tủm tỉm cười và xúc động trước cảnh nhà cửa sân vườn được quét dọn sạch sẽ vào buổi sáng hôm sau. Tất cả hạnh phúc ấy khiến người vợ nhặt trở thành người phụ nữ dịu dàng, nữ tính, chu đáo. Bà cụ Tứ thì quên mọi đói khát, nhọc nhằn dặn dò, chỉ bảo các con, toàn nghĩ đến chuyện tương lai "ai giàu ba họ, ai khó ba đời"...Đến cuối truyện, hình ảnh đoàn người đói đi trên đê Sộp và lá cờ Việt Minh dự báo về một cuộc đổi đời.

Sức hấp dẫn riêng của mỗi tác phẩm còn đến từ sự khác biệt trong việc sử dụng hình thức nghệ thuật. Trong *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài đi sâu phân tích tâm lí nhân vật. Ông kể bằng giọng trầm lắng. Ông cũng tạo dấu ấn bằng cách sáng tạo nhiều chi tiết đặc sắc: căn buồng của Mị, tiếng sáo, giọt nước mắt A Phủ,...Trong khi đó, *Vợ nhặt* lại mang giọng điệu đôn hậu, hóm hỉnh. Nhà văn Kim Lân dụng công tạo tình huống truyện vừa éo le vừa độc đáo, bất ngờ. Ông cũng miêu tả tâm trạng nhân vật hết sức tài tình.

Như vậy, chúng ta có thể nhận thấy sự tương đồng giữa *Vợ chồng A Phủ* và *Vợ nhặt* trước hết là ở bối cảnh truyện. Cả hai tác phẩm cùng lấy bối cảnh những năm 1945 – 1954. Với khả năng phân tích tâm lí tài tình, họ cùng hướng ngòi bút vào phản ánh số phận bi thảm đồng thời cũng khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của người lao động. Để rồi từ đó, họ tố cáo xã hội thực dân phong kiến chà đạp con người, đẩy con người vào đau khổ. Cả hai nhà văn đều thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc: trân trọng vẻ đẹp tâm hồn, khát vọng chính đáng của con người, có niềm tin vào sự đổi đời của con người. Nhưng mỗi tác phẩm thực sự là tiếng nói riêng của nhà văn. Trong khi *Vợ*

chồng A Phủ tập trung phản ánh số phận người lao động bị áp bức, bóc lột nhưng vẫn sáng ngời vẻ đẹp của sức sống mãnh liệt, của khát vọng tự do thì *Vợ nhặt* lại đi sâu phản ánh số phận rẻ rúng của con người vì đói nghèo, đồng thời ngợi ca vẻ đẹp của khát vọng sống, của ước mơ và hạnh phúc. Hai tác phẩm bên cạnh những nét tương đồng vẫn có những nét riêng biệt, thể hiện phong cách nghệ thuật riêng của mỗi tác giả. Điều đó khẳng định tài năng của mỗi nhà văn, đồng thời chứng minh sự phong phú, sự hấp dẫn vô tận của văn chương. Mỗi tác phẩm thực sự đã mang một vân chữ riêng để chúng ta càng thêm khâm phục và ngưỡng mộ tài năng của mỗi nghệ sĩ chân chính.

Xin cảm ơn thầy cô và các bạn đã chú ý theo dõi bài thuyết trình! Em mong muốn nhận được những góp ý từ thầy cô và các bạn!

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện; biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.

b. Nội dung: Sáng tác video so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện đã học, đã đọc.

c. Sản phẩm: Video giới thiệu; Biên bản làm việc nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm khoảng 7 HS.
- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:

+ Chọn 02 tác phẩm truyện cùng đề tài

+ Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

+ Sáng tác 01 video so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện mà nhóm đã chuẩn bị ở phần viết. Video đảm bảo yêu cầu sau:

++ Có tên trường, tên lớp, vấn đề trình bày, tên các thành viên.

++ Trong quá trình giới thiệu phải có sự xuất hiện của 01 hoặc một vài thành viên trong nhóm.

+ Chọn 01 video (trừ video của nhóm mình) xem và bổ sung thêm lí lẽ, dẫn chứng hoặc đặt ra những câu hỏi, những vấn đề cần thảo luận.

- Thời gian, sản phẩm và cách thức nộp.

+ Thời gian: 01 tuần sau bài học.

+ Sản phẩm: 01 video giới thiệu, một biên bản làm việc nhóm (ghi rõ họ tên và nhiệm vụ của từng thành viên), một bản đánh giá quá trình làm việc nhóm của các thành viên.

+ Cách thức nộp: Gửi đăng trên padlet hoặc zalo nhóm lớp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV có thể trình chiếu một số video clip của HS vào đầu buổi học tiếp theo (có thể lấy điểm đánh giá quá trình). GV nhận xét, đánh giá về bài trình bày của HS và kết luận.

5. HOẠT ĐỘNG 5: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 1)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:
- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia 4 nhóm thảo luận 4 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Bài học đã bổ sung cho hiểu biết của bạn về truyện nói chung và tiểu thuyết hiện đại nói riêng như thế nào?

Câu 2. Nêu nhận thức của bạn về khả năng lớn lao của tiểu thuyết trong việc thể hiện bức tranh đời sống và khám phá những bí mật của con người cá nhân.

Câu 3. Hai văn bản *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc* và *Nỗi buồn chiến tranh* cho thấy điều gì về những hướng tìm tòi, phát triển của tiểu thuyết hiện đại?

Câu 4. Khi tiến hành so sánh hai tác phẩm truyện với nhau, cần phải đảm bảo được những nguyên tắc gì? Bạn hiểu như thế nào về ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm văn học (trong đó có tác phẩm truyện) dựa trên sự so sánh?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Bài học đã bổ sung:
- Hiểu biết thêm về truyện nói chung: truyện nói chung có tính tự sự cao, là một văn bản có tính liên kết chặt chẽ, logic.
- Hiểu biết thêm về tiểu thuyết hiện đại: Được xây dựng trên nhiều sự kiện, biến cố, cảnh ngộ, nhiều mối xung đột; phi tập trung hóa, đa dạng về điểm nhìn và nhân vật, tính cách, tạo nên những mối quan hệ chồng chéo với những diễn biến tâm lý đa dạng; mở rộng chiều kích không gian, thời gian, không bị giới hạn bởi dung lượng phản ánh, có khả năng dựng lên những bức tranh hoành tráng về mặt xã hội.

Câu 2. Tiểu thuyết có khả năng đưa ra một bức tranh đa chiều về đời sống và khám phá tâm hồn con người bởi vì nó cho phép tác giả phát triển nhân vật phong phú và sâu sắc, mô tả đời sống hàng ngày và môi trường sống, khám phá xã hội và văn hóa một cách chi tiết và sâu sắc.

Câu 3. Hai văn bản *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc* và *Nỗi buồn chiến tranh* cho thấy: Tiểu thuyết hiện đại ở Việt Nam là một thể loại có lịch sử phát triển lâu dài, mạnh mẽ, phong phú phức tạp; tập trung nhiều vào khai thác thế giới nội tâm nhân vật, nhân vật cũng có chiều sâu phức tạp; kết cấu theo chương, đoạn, khúc,...

Câu 4.
- Khi tiến hành so sánh hai tác phẩm truyện với nhau, cần phải đảm bảo nguyên tắc: công bằng, tập trung vào đặc điểm chính của mỗi tác phẩm, phân tích khách quan và sử dụng các công cụ phân tích phù hợp để cung cấp một cái nhìn sâu sắc và chi tiết.

- Ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm văn học, bao gồm cả tác phẩm truyện là tạo ra một cách nhìn sâu sắc và phong phú về văn học và xã hội. Việc này không chỉ giúp độc giả hiểu sâu hơn về các tác phẩm mà còn giúp họ phát triển kỹ năng phê bình văn học và sự nhạy cảm với nghệ thuật. Đánh giá các tác phẩm cũng có thể tạo ra các thảo luận và suy ngẫm về giá trị và ý nghĩa của văn học trong cuộc sống hàng ngày.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài 2: Những thế giới thơ.**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....